

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

MAI THỊ MAI HƯƠNG

**BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ
TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2016

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

MAI THỊ MAI HƯƠNG

**BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ
TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 60 38 01 07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS TRẦN ĐÌNH HẢO**

HÀ NỘI, năm 2016

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến PGS.TS Trần Đình Hào đã tận tình chỉ bảo cho tôi nhiều kiến thức vô cùng quý giá, thầy luôn giúp đỡ, hướng dẫn tôi trong suốt quá trình nghiên cứu luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn quý Lãnh đạo Phòng 2, Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm buôn lậu C47 trực thuộc Tổng Cục Cảnh sát, Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng đã tạo điều kiện, đóng góp ý kiến, cung cấp số liệu, tài liệu cần thiết để tôi nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, động viên của người thân, gia đình và đồng nghiệp trường Cao đẳng thương mại Đà Nẵng trong suốt thời gian qua.

Tác giả

Mai Thị Mai Hương

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả trình bày trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Luận văn được nghiên cứu một cách nghiêm túc, mọi thông tin sử dụng trong luận văn có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Tác giả

Mai Thị Mai Hương

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	7
1.1. Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử.....	7
1.2. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử	16
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	30
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG THỰC THI PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	31
2.1. Tình hình xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay	31
2.2. Thực trạng thực thi các phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay	37
2.3. Những bất cập trong quy định pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử	57
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	60
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC THI BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	61
3.1. Nhu cầu tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay	61
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay.....	62
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	78
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCHTW	:	Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam
BSA	:	Business Software Alliance <i>Liên minh Phần mềm doanh nghiệp</i>
EVFTA	:	EU - Viet Nam Free Trade Agreement <i>Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU</i>
KHCN	:	Khoa học – Công nghệ
USD	:	United States Dollar <i>Đô la Mỹ</i>
TAND	:	Tòa án nhân dân
TANDTC	:	Tòa án nhân dân tối cao
TPP	:	Trans-Pacific Partnership Agreement <i>Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương</i>
TP	:	Thành phố
TTTT	:	Thông tin – Truyền thông
VCCI	:	Vietnam Chamber of Commerce and Industry <i>Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam</i>
VHTTDL	:	Văn hóa – Thể thao – Du lịch
VNNIC	:	Vietnam Internet Network Information Center <i>Trung tâm Internet Việt Nam</i>

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1.	Tỷ lệ phần trăm và giá trị thương mại vi phạm cài đặt phần mềm máy tính không có bản quyền ở Việt Nam từ năm 2009 đến năm 2015	32
2.2.	Số lượng đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp từ năm 2011 đến năm 2016	38
2.3.	Hình thức ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp từ năm 2011 đến năm 2015	39
2.4.	Số lượng vụ án dân sự về sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được giải quyết tại Tòa án từ năm 2011 đến năm 2015	45
2.5.	Số liệu xử phạt hành chính xâm phạm bản quyền phần mềm máy tính từ năm 2012 đến năm 2015	50

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công nghệ thông tin ở Việt Nam được manh nha từ việc sử dụng chiếc máy tính điện tử đầu tiên vào đầu năm 1968. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, giải pháp để ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2000, Thủ tướng Chính phủ đã ký kết Hiệp định khung ASEAN điện tử với hai nội dung quan trọng: Thương mại điện tử và Chính phủ điện tử. Từ năm 1998 đến năm 2005 là giai đoạn hình thành thương mại điện tử, lĩnh vực mới mẻ ở Việt Nam. Quyết định 246/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2005 phê duyệt chương trình phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Cho đến nay thương mại điện tử Việt Nam định hướng sẽ trở thành một trong sáu thị trường thương mại điện tử lớn trong khu vực Đông Nam Á.

Không thể phủ nhận những giá trị to lớn của thương mại điện tử đối với nền kinh tế, làm thay đổi thị trường truyền thống Việt Nam, tuy nhiên, kéo theo đó là hàng loạt những vấn đề mà Việt Nam phải đối mặt về tội phạm, bảo mật thông tin, an ninh mạng... trong đó vấn đề mang tính cấp thiết, quan trọng nhất là bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử. Câu hỏi mà các chủ thể tham gia giao dịch thương mại điện tử quan tâm là tính bảo mật, tính hợp pháp của sản phẩm. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được đặt ra đối với tất cả các bên về: Bản Quyền, Sáng chế, Kiểu dáng công nghiệp, Tên thương mại, Bí mật kinh doanh.

Quá trình mở rộng thương mại điện tử, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được Đảng, Nhà nước quan tâm đến việc thiết lập cơ sở pháp lý điều chỉnh các giao dịch thương mại điện tử liên quan đến tài sản trí tuệ. Nhiệm vụ: “Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ” được đề ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai BCHTW khóa VIII về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2020 và những nhiệm vụ đến năm 2000; Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu BCHTW khóa IX bổ sung nhiệm vụ “Kiện toàn cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ”; Báo cáo chính trị của

BCHTW khóa XI tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nêu phương hướng nhiệm vụ: “Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của trí thức”. Thể hiện đường lối, chủ trương của Đảng vào quy định pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ, dựa trên nền tảng Phần thứ sáu Bộ luật Dân sự năm 2005 về Quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ được ban hành năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Các điều ước quốc tế song phương và đa phương về sở hữu trí tuệ mà Việt Nam là thành viên cũng thể hiện rõ ý chí bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ: Hiệp định song phương Việt Nam – Hoa Kỳ về quyền tác giả; Hiệp định song phương Việt Nam – Thụy Sĩ về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp; Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật; Công ước Geneva về bảo hộ người ghi âm, chống sao chép trái phép bản ghi âm; Công ước Brussels về phân phối tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh; Công ước Rome về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm và tổ chức phát sóng... Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) ngày 11/01/2007, trở thành thành viên thứ 150 của WTO. Từ ngày 11/01/2007 Việt Nam phải thực hiện các cam kết của mình, trong đó có cam kết về quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Hiệp định thương mại về Quyền Sở hữu Trí tuệ (TRIPS).

Khi công nghệ thông tin phát triển mạnh thì Internet và các mạng mở là môi trường thúc đẩy quan hệ thương mại điện tử, các tài sản trí tuệ được đưa vào giao dịch thương mại điện tử ngày càng nhiều. Về mặt pháp lý, pháp luật thương mại điện tử và pháp luật sở hữu trí tuệ là cơ sở cho việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử tạo niềm tin cho các bên khi tham gia môi trường trực tuyến đầy rủi ro. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào chuyên sâu về lý luận và thực tiễn bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, định lượng mô tuýp này ở các bài báo trên tạp chí chuyên ngành, các bài viết trên trang thông tin điện tử của các cơ quan, một số tham luận tại các hội thảo. Đặc biệt khi thương mại điện tử Việt Nam chuyển sang giai đoạn phát triển nhanh, rất nhiều câu hỏi đặt ra: “Mối liên kết giữa quyền sở hữu trí tuệ và thương mại điện tử?”

Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử bao gồm những đối tượng nào? Việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử trên thực tế diễn ra như thế nào? Những vi phạm, tranh chấp xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được giải như thế nào? Nhằm tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử cần những giải pháp nào?”. Việc chọn đề tài **“Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay”** rất cần thiết để trả lời cho những câu hỏi nêu trên.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam đã và đang thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học, các nhà khoa học pháp lý. Qua tìm hiểu các công trình khoa học đã được công bố trong nước và nước ngoài về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, có các công trình sau đây: Nhóm thứ nhất, các công trình nghiên cứu khoa học chung về quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam, tiêu biểu là: Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam, Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2008; Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam – những vấn đề lý luận và thực tiễn, PGS.TS Lê Hồng Hạnh (chủ biên), Nxb Chính trị quốc gia, 2004; Cẩm nang sở hữu trí tuệ, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO, 2000. Nhóm thứ hai, các công trình nghiên cứu khoa học chung về thương mại điện tử ở Việt Nam, tiêu biểu là: Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Bộ Công Thương; Báo cáo chỉ số thương mại điện tử Việt Nam 2012, 2013, 2014, 2015, Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam. Nhóm thứ ba, các công trình nghiên cứu khoa học về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam, tiêu biểu là: Nghiên cứu cơ chế giải quyết tranh chấp về SHTT trong môi trường Internet, Hoàng Long Huy và Bùi Tiến Quyết, Viện Khoa học sở hữu trí tuệ, 2012. Xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu trong môi trường Internet, Nguyễn Thị Hương, ĐHQG Hà Nội, 2015.

Các công trình nêu trên nghiên cứu các khía cạnh riêng biệt về quyền sở hữu trí tuệ và về thương mại điện tử trên diện rộng. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương

mại điện tử ở Việt Nam hiện nay, đây là vấn đề rất cần thiết về cả mặt lý thuyết cũng như thực tiễn góp phần tìm ra giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay. Luận văn có sự kế thừa những thành quả của các công trình trước, đồng thời đưa ra các vấn đề lý luận mới cũng như thực tiễn về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn làm rõ những đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, khái niệm và phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử. Trên cơ sở đánh giá tình hình xâm phạm, thực trạng thực thi các phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 để xác định quan điểm, đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu sâu hơn về lý luận và thực tiễn về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay: xác định khái niệm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử; làm rõ sự cần thiết bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử; xác định các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm; xác định tranh chấp tên miền và các hình thức giải quyết tranh chấp tên miền; chỉ rõ những bất cập, hạn chế trong các quy định pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử; đánh giá đúng tình hình xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, thực trạng xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, thực trạng giải quyết tranh chấp tên miền; đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn không phân tích sâu các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, nội dung quyền và giới hạn quyền, các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử. Luận văn chú trọng nghiên cứu các quy định pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, tình hình xâm phạm, thực trạng thực thi các phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, các giải pháp hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao năng lực thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Để giải quyết nội dung được đặt ra từ đề tài, người nghiên cứu vận dụng cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc thù của các ngành khoa học xã hội như: phân tích, tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay. Các kết quả nghiên cứu của luận văn làm sáng tỏ những vấn đề lý luận chung, kiểm chứng cơ sở lý luận thông qua thực trạng thực thi pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm về sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử hoặc các vấn đề pháp luật liên quan. Kết quả nghiên cứu trong luận văn có ý nghĩa quan trọng trong việc đề ra các

giải pháp nâng cao khả năng thực thi, hoạch định chính sách pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử;

Chương 2: Thực trạng thực thi pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay;

Chương 3: Một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1.1. Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử

1.1.1. Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử

Trong môi trường thương mại điện tử, sự kết hợp giữa công nghệ thông tin, viễn thông, kỹ thuật số phá vỡ ranh giới địa lý, giới hạn số lượng của việc trao đổi sản phẩm, dịch vụ, thông tin dữ liệu, mức cung vượt quá mức cầu. Việc sở hữu và bảo vệ tài sản trí tuệ trên thế giới phẳng này đòi hỏi sự quan tâm xác đáng, nỗ lực thực thi, giám sát chặt chẽ của chủ thể quyền, nhà nước và các tổ chức liên quan. Những giá trị về lợi nhuận thương mại mà tài sản trí tuệ đem lại rất lớn, bên cạnh đó về mặt tinh thần còn khuyến khích các hoạt động sáng tạo của con người.

Trí tuệ của con người là khả năng nhận thức lí tính đạt đến một trình độ nhất định, sản phẩm do trí tuệ con người sáng tạo ra thông qua các hoạt động tư duy, sáng tạo trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học, nghệ thuật, gọi đó là tài sản trí tuệ. Tài sản trí tuệ mang các thuộc tính như các loại tài sản vật chất thông thường, có thể mua bán, trao đổi, tặng cho, tuy vậy, tài sản trí tuệ là tài sản vô hình chứa hàm lượng chất xám cao, khác biệt với tài sản vật chất ở tính sáng tạo, tính đổi mới. Người sở hữu tài sản trí tuệ chính là sở hữu các thông tin, nắm giữ các quyền đối với tài sản trí tuệ được nhà nước bảo hộ, các quyền của chủ thể đối với tài sản trí tuệ đó là quyền sở hữu trí tuệ. Theo Công ước thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) ký ngày 14 tháng 7 năm 1967 quy định: “Quyền sở hữu trí tuệ bao gồm các quyền liên quan tới các tác phẩm khoa học, nghệ thuật và văn học; chương trình biểu diễn của các nghệ sĩ, các bản ghi âm và chương trình phát thanh, truyền hình; sáng chế trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người; các phát minh khoa học; các kiểu dáng công nghiệp; các nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu dịch vụ, các chỉ dẫn và tên thương mại; bảo hộ chống cạnh tranh không lành mạnh và tất cả các quyền khác là kết quả của hoạt động trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, khoa

học, văn học hoặc nghệ thuật”.

Ở Việt Nam, khái niệm quyền sở hữu trí tuệ sử dụng trong khoa học pháp lý được hiểu là quyền sở hữu đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ, *quyền mà nhà nước dành cho các nhân, tổ chức là chủ sở hữu tài sản trí tuệ sự kiểm soát độc quyền trong thời gian nhất định nhằm ngăn chặn sự khai thác các tài sản này một cách bất hợp pháp* [88, tr. 1]. Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (sau đây gọi tắt là Luật Sở hữu trí tuệ) trực tiếp đưa ra định nghĩa như sau: “*Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng*” (Khoản 1 Điều 4).

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của chủ thể đối với loại tài sản đặc biệt đem lại lợi ích kinh tế và giá trị tinh thần. Khi công nghệ thông tin phát triển mạnh thì Internet và các mạng mở là môi trường thúc đẩy giao dịch thương mại điện tử, tài sản trí tuệ trở thành sản phẩm được mua bán, trao đổi thường xuyên. *Thương mại điện tử là toàn bộ các giao dịch mang tính thương mại được tiến hành bằng các phương tiện điện tử* (phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự) [57, tr. 8]. Đối tượng của giao dịch thương mại điện tử là hàng hóa, dịch vụ hoặc sản phẩm kỹ thuật số chịu tác động của quyền sở hữu trí tuệ. Nền kinh tế kỹ thuật số tạo ra sự lan tỏa nhanh chóng các phương thức giao dịch phi giấy tờ làm cho quyền sở hữu của chủ thể đối với các tài sản trí tuệ có thể được nâng cao giá trị hoặc bị ảnh hưởng nghiêm trọng: nhãn hiệu hàng hóa bị giả mạo, bí mật kinh doanh bị tiết lộ, hay một tác phẩm nghệ thuật được sao chép, truyền tải sử dụng bất hợp pháp... Quyền sở hữu của chủ thể đối với tài sản trí tuệ trong thương mại điện tử phát sinh, thay đổi, chấm dứt dựa trên căn cứ pháp lý chung của quyền sở hữu trí tuệ.

Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử không được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật, về bản chất, quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử chính là quyền của các chủ thể đối với tài sản trí tuệ trong lĩnh vực thương mại điện tử. Pháp luật sở hữu trí tuệ và pháp luật thương mại điện tử Việt

Nam điều chỉnh quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử là nền tảng để đưa ra khái niệm cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử. Căn cứ vào Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Giao dịch điện tử năm 2006, *quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được hiểu là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ trong các giao dịch thương mại được thực hiện thông qua phương tiện điện tử*, chẳng hạn quyền sở hữu đối với phần mềm máy tính, tên thương mại trên website của một doanh nghiệp.

Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử thuộc quan hệ pháp luật dân sự, có nội dung gồm quyền nhân thân và quyền tài sản đối với tài sản trí tuệ trong thương mại điện tử. Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được quy định tại Phần thứ Sáu Bộ luật dân sự năm 2005, Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản dưới luật. Trong lĩnh vực thương mại điện tử, quyền sở hữu trí tuệ có những đặc trưng riêng xuất phát từ tài sản trí tuệ được tạo lập dưới dạng thông điệp dữ liệu (những thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử), sản phẩm kỹ thuật số, phần mềm máy tính.

Theo cách tiếp cận của pháp luật Việt Nam, quyền sở hữu trí tuệ được chia thành bốn loại: quyền tác giả; quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng. Tuy nhiên, quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử không bao gồm quyền đối với giống cây trồng. Quyền đối với giống cây trồng là quyền sở hữu của chủ thể đối với sản phẩm là kết quả của quá trình chọn và tạo ra giống cây trồng (Khoản 5 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ), gắn liền với vật chất là giống cây trồng không thể đưa vào lưu thông trên phương tiện điện tử. Chỉ có những tài sản trí tuệ đáp ứng các tính chất chuyên biệt của thương mại điện tử mới được xem là quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử: tính kỹ thuật số, phi vật chất, vô hình. Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử gồm ba nhóm quyền: quyền tác giả; quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp.

Quyền tác giả trong thương mại điện tử bao gồm quyền nhân thân, quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học trong thương mại điện tử. Theo Luật Sở hữu trí tuệ, *quyền tác giả là*

quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu (Khoản 2, Điều 4). Chủ thể của quyền tác giả trong thương mại điện tử là tác giả (người sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học) và chủ sở hữu quyền tác giả (tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản đối với tác phẩm).

Quyền liên quan đến quyền tác giả (sau đây gọi là quyền liên quan) trong thương mại điện tử là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa trong thương mại điện tử. Chủ thể của quyền liên quan là người biểu diễn (diễn viên, ca sỹ, nhạc công, vũ công và những người khác trình bày tác phẩm văn học, nghệ thuật) và nhà đầu tư (chủ sở hữu cuộc biểu diễn); nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình (tổ chức, cá nhân định hình lần đầu âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn hoặc các âm thanh, hình ảnh); tổ chức phát sóng (tổ chức khởi xướng và thực hiện việc phát sóng).

Quyền sở hữu công nghiệp trong thương mại điện tử là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, tên thương mại, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh trong thương mại điện tử. Chủ thể của quyền sở hữu công nghiệp trong thương mại điện tử là tác giả của đối tượng sở hữu công nghiệp (là cá nhân, tổ chức sáng tạo sản phẩm trí tuệ được bảo hộ dưới dạng sở hữu công nghiệp) hoặc chủ sở hữu của đối tượng sở hữu công nghiệp (cá nhân, tổ chức được cơ quan nhà nước cấp bằng hoặc chuyển giao văn bằng bảo hộ).

Tác động hai chiều của thương mại điện tử đến sở hữu trí tuệ làm nảy sinh nhu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử. Theo cách phân chia của Luật Thương mại năm 2005, thương mại được liệt kê gồm bốn loại hoạt động: mua bán hàng hóa; cung ứng dịch vụ; đầu tư xúc tiến thương mại, các hoạt động thương mại khác nhằm mục đích sinh lợi (Khoản 1 Điều 3). Các giao dịch thương mại được thực hiện thông qua phương tiện điện tử: điện báo, telex, fax, thư điện tử, trang web... được gọi là thương mại điện tử. Đội ngũ thương nhân là lực lượng chủ đạo

thực hiện thương mại điện tử mà nòng cốt là các doanh nghiệp; bên cạnh đó còn có các cá nhân, tổ chức không phải thương nhân không phải là chủ thể tham gia thương mại điện tử thường xuyên; nhà nước đóng vai trò quản lý, thiết lập hạ tầng và tạo môi trường cho thương mại điện tử phát triển. Theo Diễn đàn kinh tế thế giới WEF, chỉ số năng lực cạnh tranh của quốc gia Việt Nam năm 2015 được xếp thứ 56 trên 140 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới [47, tr. 10]. Theo Báo cáo “Đo lường xã hội thông tin” của Liên minh Viễn thông quốc tế ITU, chỉ số phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đứng 102 trên 167 nước [47, tr. 62]. Thương mại điện tử Việt Nam phát triển theo ba giai đoạn (giai đoạn hình thành 1998 - 2005, giai đoạn phổ cập 2006 – 2015, giai đoạn phát triển mạnh, ổn định 2016 -2020), được đánh giá là thị trường bán lẻ trực tuyến phát triển nhanh, định hướng trở thành một trong sáu thị trường thương mại điện tử lớn trong khu vực Đông Nam Á. Hiện nay thương mại điện tử Việt Nam đang phát triển đến giai đoạn thứ ba, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 689/QĐ-TTg ngày 11 tháng 05 năm 2014 về việc phê duyệt chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014 - 2020 đưa ra mục tiêu, nhiệm vụ phát triển cụ thể.

Thương mại điện tử gắn với việc truyền tải thông tin trong đó hầu hết liên quan đến tài sản trí tuệ. Tất cả hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm khác đều được mã hóa thành thông điệp dữ liệu chứa đựng thông tin, các sản phẩm kỹ thuật số này trở thành đối tượng của giao dịch thương mại điện tử giữa các bên. Trong thế giới phẳng của internet, thương mại điện tử vượt xa nền thương mại truyền thống và tác động mạnh mẽ đến tài sản trí tuệ. Nhãn hiệu, tên thương mại trực tuyến giúp các bên không liên hệ trực tiếp nhưng vẫn tin cậy tham gia giao dịch, doanh nghiệp tiếp cận nhanh hơn với khách hàng, thị trường mở rộng đồng nghĩa lợi nhuận, giá trị của nhãn hiệu, tên thương mại cũng tăng. Như vậy, môi trường công nghệ kỹ thuật số làm gia tăng giá trị tài sản trí tuệ. Tiếp theo, thương mại điện tử khuyến khích sáng tạo tài sản trí tuệ, thông thương tốt hơn thì hoạt động tư duy sáng tạo của con người cũng được thúc đẩy, tài sản trí tuệ được tạo ra nhiều hơn. Ngoài ra, thương mại điện tử góp phần tăng lượng tài sản trí tuệ kỹ thuật số như chương trình máy tính, giao

điện người sử dụng, phần mềm ứng dụng, và đẩy nhanh giao dịch tài sản trí tuệ số hóa. Tài sản trí tuệ: âm nhạc, hình ảnh, chương trình máy tính, phần mềm đào tạo... dưới dạng kỹ thuật số luôn được tìm thấy một cách dễ dàng trên các phương tiện điện tử. Cuối cùng, thương mại điện tử là một cách ghi nhận quyền sở hữu trí tuệ, khi tài sản trí tuệ được tạo ra và đưa vào giao dịch thương mại điện tử thì đồng thời quyền sở hữu của chủ thể đối với tài sản trí tuệ được công nhận như việc công bố tác phẩm truyền tranh, bài hát trên các trang mạng, bất kì sự xâm phạm nào đến quyền tác giả hoặc mâu thuẫn về việc đăng ký bảo hộ đối với các tác phẩm đều có chứng cứ chống lại bởi tác phẩm đã được tạo ra và đưa vào giao dịch.

Thương mại điện tử có ảnh hưởng lớn đến hệ thống quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp là đối tượng chính trong các hợp đồng. Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử dễ bị xâm phạm, chủ sở hữu khó kiểm soát và xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Trên hệ thống internet, số lượng bản sao chương trình ca nhạc, tác phẩm nghệ thuật, sách, phim ảnh không có giới hạn nếu chủ sở hữu không can thiệp. Giao diện người sử dụng trên trang web của một doanh nghiệp có thể bị sao chép, thực hiện hành vi trục lợi, người dùng sử dụng trang web bị sao chép và thanh toán trực tuyến nhưng không nhận được sản phẩm nào. Một nhãn hiệu được tạo ra gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của doanh nghiệp đã đăng ký bảo hộ, hoặc tên miền được tạo ra trùng với nhãn hiệu nổi tiếng.

1.1.2. Đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử

Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử gồm ba nhóm quyền: quyền tác giả; quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp. Mỗi nhóm quyền đều có đối tượng được bảo hộ khác nhau gồm tài sản trí tuệ thông thường được số hóa truyền tải trên phương tiện điện tử. Tất cả các đối tượng đều có đặc trưng: Tài sản trí tuệ là đối tượng quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử đều được số hóa nhờ công nghệ thông tin, viễn thông, internet như chương trình máy tính, file âm nhạc, clip hình ảnh, các dữ liệu truyền thống như bản viết tay, bản in, hình ảnh... được chuyển thành dữ liệu số truyền tải được trên các phương tiện điện tử (tính kỹ thuật số); Đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử

không tồn tại ở bất cứ dạng vật chất nào, tính vô hình và phi vật chất thể hiện ở chỗ tài sản trí tuệ được số hóa và chứa đựng trong dạng kỹ thuật số nhất định, không có bản chất vật chất, không thể nhận biết sự tồn tại bằng giác quan của con người.

Đối tượng thứ nhất là đối tượng quyền tác giả trong thương mại điện tử gồm sản phẩm sáng tạo trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật số trở thành dữ liệu trên các phương tiện điện tử (gọi chung là tác phẩm số hóa). Đối tượng quyền tác giả trong thương mại điện tử được ghi nhận tại Điều 737 Bộ luật Dân sự năm 2005: “Đối tượng quyền tác giả bao gồm mọi sản phẩm sáng tạo trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học được thể hiện dưới bất kỳ hình thức và bằng bất kỳ phương tiện nào, không phân biệt nội dung, giá trị và không phụ thuộc vào bất kỳ thủ tục nào”. Dựa vào tính kỹ thuật số của quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử có thể chia đối tượng quyền tác giả trong thương mại điện tử thành: Tác phẩm trực tuyến; Chương trình máy tính; Thiết kế trang web và nội dung trang web (Khoản 1 Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ).

Tác phẩm trực tuyến là các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học được số hóa trên phương tiện điện tử bao gồm: tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự số hóa; bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác; tác phẩm báo chí; tác phẩm âm nhạc; tác phẩm sân khấu; tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự (gọi chung là tác phẩm điện ảnh); tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng; tác phẩm nhiếp ảnh; tác phẩm kiến trúc; bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học; tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian; sưu tập dữ liệu (Khoản 1 Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ).

Chương trình máy tính là tập hợp các chỉ dẫn được thể hiện dưới dạng các lệnh, các mã, lược đồ hoặc bất kỳ dạng nào khác, khi gắn vào một phương tiện mà máy tính đọc được, có khả năng làm cho máy tính thực hiện được một công việc hoặc đạt được một kết quả cụ thể. Chương trình máy tính được bảo hộ như tác phẩm văn học, dù được thể hiện dưới dạng mã nguồn hay mã máy (Khoản 1 Điều 22 Luật Sở hữu trí tuệ).

Pháp luật sở hữu trí tuệ không quy định trực tiếp thiết kế trang web và nội dung trang web nhưng được bảo hộ theo các quy định chung của pháp luật sở hữu trí tuệ, bao gồm: thiết kế trên trang web, cơ sở dữ liệu, một số nội dung trang web (hình ảnh, biểu tượng, dữ liệu thông tin).

Đối tượng thứ hai là đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả trong thương mại điện tử bao gồm bản ghi âm, ghi hình cuộc biểu diễn của người biểu diễn, cuộc phát sóng của các tổ chức phát sóng và tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá (Điều 744 Bộ luật Dân sự năm 2005). Bản ghi âm, ghi hình này được số hóa để truyền tải trên phương tiện điện tử.

Đối tượng thứ ba là đối tượng quyền sở hữu công nghiệp trong thương mại điện tử bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại được số hóa (Điều 750 Bộ luật Dân sự năm 2005). Thiết kế mạch tích hợp bán dẫn và chỉ dẫn địa lý không phải là đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp trong thương mại điện tử. Chỉ dẫn địa lý được tạo bởi tên gọi, hình ảnh, biểu tượng gắn liền khu vực địa lý nhằm mục đích chỉ rõ nguồn gốc của sản phẩm hàng hóa, có thể được truyền tải trên phương tiện điện tử, tuy nhiên, chỉ dẫn địa lý không phải là đối tượng của các giao dịch thương mại điện tử nên không được xem là đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp trong thương mại điện tử. Thiết kế mạch tích hợp bán dẫn được thiết kế trong không gian ba chiều gồm các phân tử liên kết của mạch điện tử dưới dạng thành phẩm không thể truyền tải như thông điệp dữ liệu hay sản phẩm số hóa trên phương tiện điện tử, cũng không được xem là đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp trong thương mại điện tử.

Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên (Khoản 12 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ). Tuy nhiên sáng chế trong thương mại điện tử không bao gồm giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm mà phải là giải pháp kỹ thuật số hoặc quy trình kỹ thuật số, chẳng hạn: các hệ thống công nghệ mới trên trang web, các công cụ tra cứu, các công cụ kỹ thuật trên trang web (tin nhắn, hệ thống tạo lập cung cấp tin tức, bình luận xã hội, hiển thị quảng cáo, kiểm soát thông tin riêng tư,

công cụ chia sẻ ảnh). Sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế nếu đáp ứng các điều kiện: có tính mới; có trình độ sáng tạo; có khả năng áp dụng công nghiệp (Khoản 1 Điều 58 Luật Sở hữu trí tuệ).

Kiểu dáng công nghiệp trong thương mại điện tử là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này ở dạng kỹ thuật số trên phương tiện điện tử, chẳng hạn: giao diện đồ họa của người sử dụng, bố trí màn hình, các biểu tượng đồ họa, hình dáng của sản phẩm trên trang web... Kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện: có tính mới; có trình độ sáng tạo; có khả năng áp dụng công nghiệp (Điều 63 Luật Sở hữu trí tuệ).

Nhãn hiệu trong thương mại điện tử là dấu hiệu số hóa dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau. Nhãn hiệu trong thương mại điện tử bao gồm chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó dưới dạng dữ liệu số hóa, ví dụ: nhãn hiệu ADIDAS, VIETNAMAIRLINES, SONY... được thể hiện trên máy tính. Nhãn hiệu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nếu đáp ứng các điều kiện: là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc; có khả năng phân biệt hàng hóa, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hóa, dịch vụ của chủ thể khác (Điều 72 Luật Sở hữu trí tuệ).

Tên thương mại là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh (Khoản 21 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ). Tên thương mại trong thương mại điện tử đều là tên gọi của các chủ thể kinh doanh được thể hiện dưới dạng dữ liệu số hóa được sử dụng trên phương tiện điện tử, ví dụ: Tên gọi “Công ty Honda Việt Nam” được sử dụng trên trang web. Tên thương mại được cấp Văn bằng bảo hộ nếu có khả năng phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên thương mại đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh (Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ).

Bí mật kinh doanh trong thương mại điện tử là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong thương mại điện tử. Bí mật kinh doanh gồm hai yếu tố là bí mật và quyết định, tạo ưu thế cho người nắm giữ các thông tin. Bí mật kinh doanh được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây: không phải là hiểu biết thông thường và không dễ dàng có được; khi được sử dụng trong kinh doanh sẽ tạo cho người nắm giữ bí mật kinh doanh lợi thế so với người không nắm giữ hoặc không sử dụng bí mật kinh doanh đó; được chủ sở hữu bảo mật bằng các biện pháp cần thiết để bí mật kinh doanh đó không bị bộc lộ và không dễ dàng tiếp cận được (Điều 84 Luật Sở hữu trí tuệ).

1.2. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử

1.2.1. Khái niệm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử

Đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được nhà nước bảo hộ, do đó, quyền của chủ sở hữu tài sản trí tuệ cũng được công nhận. Quyền sở hữu trí tuệ bao gồm quyền nhân thân, quyền tài sản của chủ thể sở hữu tài sản trí tuệ, các quyền này của chủ sở hữu dễ bị xâm phạm vì mục đích lợi nhuận, đặc biệt trong thương mại điện tử, hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ diễn ra rất nhiều. Việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử luôn đặt ra đối với chủ sở hữu, các tổ chức, cá nhân liên quan và nhà nước.

Nghiên cứu khoa học pháp lý về sở hữu trí tuệ cần phân biệt cụ thể hai khái niệm: “*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*” và “*Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ*”. Thuật ngữ “*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*” được sử dụng phổ biến trong các văn bản pháp luật Việt Nam (Hiến pháp, Luật Sở hữu trí tuệ, Bộ luật Dân sự...) và các công ước quốc tế về sở hữu trí tuệ (Công ước Berne, Công ước Paris, Hiệp định TRIPS...). Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ như Nghị định số 105/2006/NĐ-CP, Nghị định 119/2010/NĐ-CP thì quy định cụ thể về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Trong Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về hợp tác trong lĩnh vực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, ký tại Mát-xcơ-va ngày 27 tháng 10 năm 2008, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 02 năm 2010 thì bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được hiểu là công nhận và bảo đảm thực thi

các quyền sở hữu trí tuệ (Điều 5), phân định bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Việc phân biệt hai khái niệm “*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*” và “*Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ*” nhằm hiểu rõ bản chất và sử dụng chuẩn xác.

Từ Phần 1 đến Phần 4 Luật Sở hữu trí tuệ quy định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ: điều kiện, nội dung, giới hạn, thời hạn bảo hộ, chuyển giao, xác lập quyền sở hữu trí tuệ... “*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*” gắn liền với chức năng quản lý của nhà nước, nhà nước đảm bảo các quyền của chủ sở hữu tài sản trí tuệ, gồm: bảo hộ quyền tác giả, bảo hộ quyền liên quan, bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được hiểu là việc nhà nước thông qua hệ thống pháp luật và sử dụng quyền lực nhà nước công nhận quyền của chủ sở hữu tài sản trí tuệ, bảo đảm cho các chủ sở hữu tài sản trí tuệ thực thi các quyền của họ, và xác định các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (công nhận – bảo đảm).

Luật Sở hữu trí tuệ dành riêng Phần năm để quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bao gồm: biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tự bảo vệ, giám định sở hữu trí tuệ... Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ hàm nghĩa là các biện pháp pháp lý chống lại sự xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Theo đó, khái niệm “*Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ*” được hiểu như sau:

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là việc nhà nước và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ sử dụng các phương thức pháp lý để bảo vệ quyền đối với tài sản trí tuệ của chủ sở hữu nhằm ngăn chặn, xử lý mọi sự xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Nhà nước công nhận quyền sở hữu tài sản trí tuệ, các chủ thể được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử chính là việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế để ngăn chặn hoặc xử lý hành vi xâm phạm, trong đó chủ sở hữu tài sản trí tuệ có thể tự bảo vệ hoặc bằng hoạt động của cơ quan nhà nước xử lý xâm phạm thông qua việc khởi kiện tại Toà án hoặc khiếu nại, tố cáo với các cơ quan chức năng như cơ quan Thanh tra, cơ quan Công an, Quản lý thị trường.

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử là việc nhà nước và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ sử dụng các phương thức pháp lý để bảo vệ quyền đối với tài sản trí tuệ số hóa của chủ sở hữu nhằm ngăn chặn, xử lý mọi sự xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử.

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử có thể được chia theo nhóm quyền: bảo vệ quyền tác giả, bảo vệ quyền liên quan, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp. Phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử bao gồm: *Tự bảo vệ; Xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử bằng biện pháp dân sự, biện pháp hành chính, hoặc biện pháp hình sự.*

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử đóng vai trò cấp thiết bởi một số lý do sau: Thứ nhất, nền kinh tế kỹ thuật số càng phát triển thì tỷ trọng giá trị tài sản trí tuệ so với tổng số giá trị tài sản của doanh nghiệp (gồm tài sản hữu hình và tài sản vô hình) sẽ càng gia tăng. Các chủ thể hướng đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhằm giữ nguyên giá trị tài sản trí tuệ (lợi ích kinh tế), đây cũng là phương thức đầu tư kinh tế hiệu quả. Thứ hai, động lực sáng tạo tài sản trí tuệ không còn, dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh, độc quyền khi hành vi xâm phạm diễn ra trên diện rộng, không thể kiểm soát được. Vai trò của bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là đảm bảo khuyến khích sáng tạo tài sản trí tuệ, tức là mặt tinh thần. Thứ ba, thời gian tạo ra, duy trì và phát triển tài sản trí tuệ thường dài, đồng thời tiềm ẩn rủi ro cao khi tài sản trí tuệ có thể bị đánh cắp, sao chép, sử dụng, tiêu hủy bất hợp pháp. Việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ sẽ tránh được tổn hại đến quyền sở hữu trí tuệ và đảm bảo sự tồn tại của tài sản trí tuệ. Thứ tư, xét về bản chất thì quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử dễ bị xâm phạm nhưng các chủ sở hữu khó có khả năng tự mình bảo vệ tài sản trí tuệ của họ trước nguy cơ xâm phạm do cơ chế lỏng lẻo hoặc quy định cứng nhắc của pháp luật hoặc hành vi cố ý xâm phạm luôn diễn ra bởi các cá nhân, tổ chức nhắm đến mỗi lợi ích kinh tế, chẳng hạn đánh cắp tài sản trí tuệ để tiết kiệm chi phí tạo ra, sử dụng nhằm trục lợi phi pháp. Mọi quốc gia trên thế giới không thể thiếu các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử nhằm chống lại sự xâm phạm.

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử phải dựa trên cơ sở pháp lý chặt chẽ. Pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử là tổng hợp các quy phạm pháp luật quy định các biện pháp chống lại sự xâm phạm đến quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử. Điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ liên quan thương mại điện tử: Hiệp định song phương Việt Nam – Hoa Kỳ về quyền tác giả (1997); Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp (1949); Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật (2004); Công ước Brussels về phân phối tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh (2006); Công ước Rome về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm và tổ chức phát sóng (2007), và tuân thủ các quy định của Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ TRIPS, Hiệp định TPP... Các quy phạm pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử nằm trong pháp luật dân sự, hình sự, hành chính liên quan đến nhiều khía cạnh pháp lý: viễn thông, công nghệ thông tin, thương mại điện tử, sở hữu trí tuệ, biện pháp hành chính, xử lý vi phạm hình sự... Hiến pháp Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013 tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII ghi nhận quyền sở hữu trí tuệ tại Điều 63: “Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ”. Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về quyền sở hữu trí tuệ tại Phần thứ Sáu. Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, tại Phần thứ năm từ chương XVI đến chương XVIII, có 18 Điều từ Điều 198 - 215 quy định chi tiết về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ: quyền tự bảo vệ, giám định sở hữu trí tuệ, xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính, biện pháp hình sự, biện pháp dân sự. Vấn đề này còn được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015, ngoài ra, cũng cần tuân thủ các quy định về thương mại điện tử trong văn bản luật chuyên ngành: Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Luật Thương mại 2005, Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Luật Viễn Thông năm 2010... Văn bản dưới luật điều chỉnh bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử chủ yếu là Nghị định và Thông tư.

1.2.2. Phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử

Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử là hành vi của cá nhân, tổ chức xâm phạm đến quyền của chủ sở hữu tài sản trí tuệ trong thương mại điện tử, gây thiệt hại về vật chất hoặc tinh thần đối với chủ thể quyền, thậm chí là gây thiệt hại đối với người tiêu dùng hoặc xã hội. Bản chất của hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử cũng là hành vi xâm phạm quyền sở hữu. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử có các dạng hành vi xâm phạm quyền tác giả được quy định tại Điều 28, hành vi xâm phạm quyền liên quan được quy định tại Điều 35, hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp tại Điều 126, Điều 127, Điều 129, hành vi cạnh tranh không lành mạnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại Điều 130 Luật Sở hữu trí tuệ, và hành vi vi phạm quản lý nhà nước về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử theo pháp luật hành chính.

Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử là vi phạm pháp luật về bảo hộ và quản lý nhà nước về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử. Để ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, chủ thể có thể tự bảo vệ hoặc thông qua hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử. Phần thứ năm Luật Sở hữu trí tuệ nêu ra hai biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử: Tự bảo vệ; Xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự tùy theo tính chất và mức độ của hành vi xâm phạm.

Phương thức xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại đầu tiên là phương thức tự bảo vệ. Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được Nhà nước bảo hộ, mọi sự xâm phạm đến quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử và các tổ chức, cá nhân liên quan có thể ngăn chặn hoặc xử lý bằng biện pháp tự bảo vệ. Biện pháp tự bảo vệ mang tính kịp thời, ngăn chặn hành vi xâm phạm ngay từ đầu. Biện pháp tự bảo vệ mang tính định đoạt cao, thể hiện vai trò

chủ động của chủ thể quyền và tổ chức, cá nhân liên quan, tuy nhiên, biên pháp này chỉ thực sự có hiệu quả khi các chủ thể tích cực thực hiện. Quyền tự bảo vệ được pháp luật ghi nhận tại Điều 9 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 11,12 Bộ luật Dân sự năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017), Điều 198 Sở hữu trí tuệ, Điều 21 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP.

Thứ nhất, chủ sở hữu tài sản trí tuệ trong thương mại điện tử có quyền yêu cầu các tổ chức, cá nhân, cơ quan nhà nước công nhận quyền sở hữu trí tuệ, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ của mình. Nhằm phòng tránh hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ xảy ra, chủ thể quyền có thể nộp đơn đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ thể quyền phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo hộ, trình tự, thủ tục nộp đơn đăng ký bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định 85/2011/NĐ-CP, Nghị định 103/2006/NĐ-CP, Nghị 122/2010/NĐ-CP, Thông tư 29/2009/TT-BTC. Quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu được xác lập khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu. Quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, tên thương mại, bí mật kinh doanh xác lập theo cơ chế tự động. Quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học xác lập từ khi tác phẩm được tạo ra, định hình hoặc thực hiện, chủ thể quyền yêu cầu cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức công nhận, cũng có thể nộp đơn đăng ký bảo hộ để được cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, quyền liên quan. Quyền sở hữu trí tuệ đối với tên thương mại được xác lập khi chủ thể quyền sử dụng hợp pháp, đối với bí mật kinh doanh khi chủ thể quyền có được bí mật kinh doanh hợp pháp và thực hiện bảo mật bí mật kinh doanh (Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ, Khoản 1 Điều 739 Bộ luật Dân sự năm 2005). Đối với nhãn hiệu nổi tiếng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước Việt Nam công nhận quyền sở hữu của chủ thể, hủy bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hoặc đăng ký quốc tế đối với nhãn hiệu trùng hoặc nhãn hiệu nhầm lẫn với nhãn hiệu nổi tiếng.

Thứ hai, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử có thể áp dụng

các biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, ví dụ như tự bảo vệ bằng các biện pháp công nghệ trong việc ngăn chặn các hành vi tiếp cận tác phẩm, khai thác trái phép quyền tác giả, quyền liên quan. Các biện pháp công nghệ là công cụ hữu hiệu được chủ thể quyền ưu tiên áp dụng trước biện pháp yêu cầu cơ quan nhà nước xử lý để bảo vệ các quyền sở hữu hợp pháp của mình: Đưa các thông tin chỉ dẫn về căn cứ phát sinh, Văn bằng bảo hộ, chủ sở hữu, phạm vi, thời hạn bảo hộ và các thông tin khác về quyền sở hữu trí tuệ lên sản phẩm, phương tiện dịch vụ, bản gốc và bản sao tác phẩm, bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng (gọi chung là sản phẩm) nhằm thông báo rằng sản phẩm là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ và khuyến cáo người khác không được xâm phạm; Sử dụng phương tiện hoặc biện pháp kỹ thuật nhằm đánh dấu, nhận biết, phân biệt, bảo vệ sản phẩm được bảo hộ.

Thứ ba, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại. Việc yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm do chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện bằng cách thông báo trực tiếp hoặc gián tiếp bằng văn bản cho người xâm phạm, trong văn bản thông báo phải có các thông tin chỉ dẫn về căn cứ phát sinh, Văn bằng bảo hộ, phạm vi, thời hạn bảo hộ và phải ấn định một thời hạn hợp lý để người xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm.

Thứ tư, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự. Chủ thể quyền phải làm đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Tòa án, cơ quan Thanh tra, cơ quan Công an, Quản lý thị trường, đồng thời chủ thể quyền có nghĩa vụ chứng minh quyền sở hữu trí tuệ hợp pháp của mình, hành vi xâm phạm đã xảy ra, thiệt hại bằng tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu xử lý.

Thứ năm, nếu các biện pháp trên không hiệu quả thì chủ thể quyền có thể khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Như vậy, chủ thể quyền có thể áp dụng các biện pháp công nghệ để ngăn ngừa hành vi xảy ra, hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm, hoặc có quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết theo pháp luật về tố tụng dân sự, hành chính, hình sự.

Hành vi xâm phạm không chỉ gây thiệt hại đối với chủ thể quyền mà còn đối với người tiêu dùng, xã hội. Ngoài chủ thể quyền thì tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Đối với tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp dân sự quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ và các biện pháp hành chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

Phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử tiếp theo là xử lý xâm phạm bằng biện pháp dân sự, hành chính, hoặc hình sự. Quyền tự bảo vệ do chủ thể quyền hoặc tổ chức, cá nhân liên quan áp dụng để ngăn chặn hoặc xử lý hành vi xâm phạm xảy ra, còn biện pháp xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử là hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền sau khi có yêu cầu của chủ thể quyền hoặc tổ chức, cá nhân liên quan nhằm mục đích xử lý đối với các hành vi xâm phạm đã xảy ra.

Việc đầu tiên thực hiện là xác định hành vi đó có phải là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử hay không dựa vào các tiêu chí: Đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi các đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; Có yếu tố xâm phạm trong đối tượng bị xem xét; Người thực hiện hành vi bị xem xét không phải là chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và không phải là người được pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép; Hành vi bị xem xét xảy ra tại Việt Nam, hành vi bị xem xét cũng bị coi là xảy ra tại Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam (Điều 5 Nghị định 105/2006/NĐ-CP). Sau khi xác định được có yếu tố xâm

phạm trong đối tượng bị xem xét thì xác định tính chất hành vi xâm phạm (hoàn cảnh, động cơ xâm phạm: xâm phạm do vô ý, xâm phạm cố ý, xâm phạm do bị khống chế hoặc bị lệ thuộc, xâm phạm lần đầu, tái phạm; cách thức thực hiện hành vi xâm phạm: xâm phạm riêng lẻ, xâm phạm có tổ chức, tự thực hiện hành vi xâm phạm, mua chuộc, lừa dối, cưỡng ép người khác thực hiện hành vi xâm phạm), mức độ hành vi xâm phạm (phạm vi lãnh thổ, thời gian, khối lượng, quy mô thực hiện hành vi xâm phạm; ảnh hưởng, hậu quả của hành vi xâm phạm), và thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra (thiệt hại về vật chất bao gồm các tổn thất về tài sản, mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại; thiệt hại về tinh thần bao gồm các tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần gây ra cho tác giả của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; người biểu diễn; tác giả của sáng chế, kiểu dáng công nghiệp).

Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử là quyền dân sự được nhà nước bảo hộ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm. Nếu hành vi xâm phạm xảy ra thì tùy theo tính chất và mức độ, hành vi xâm phạm có thể bị xử lý bằng biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự theo quy định tại Phần thứ năm (Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ) của Luật Sở hữu trí tuệ. Các cơ quan có chức năng xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử gồm Tòa án, cơ quan Thanh tra, cơ quan Công an, Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các cấp. Việc áp dụng biện pháp dân sự, hình sự thuộc thẩm quyền của Tòa án, trong trường hợp cần thiết, Tòa án có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật. Việc áp dụng biện pháp hành chính thuộc thẩm quyền của các cơ quan Thanh tra, cơ quan Công an, Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các cấp, trong trường hợp cần thiết, các cơ quan này có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử bằng biện pháp dân sự được quy định từ Điều 202 đến Điều 210 Luật Sở hữu trí tuệ. Biện pháp dân sự được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp hoặc của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra, kể

cả khi hành vi đó đã hoặc đang bị xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc biện pháp hình sự. Thủ tục yêu cầu áp dụng biện pháp dân sự, thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp dân sự tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Trong các biện pháp xử lý thì biện pháp dân sự có ý nghĩa nhất đối với chủ thể quyền vì có thể khôi phục tình trạng ban đầu về mặt vật chất.

Chủ thể quyền nộp đơn khởi kiện vụ án tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp trong thương mại điện tử đến TAND để giải quyết bằng biện pháp dân sự (Chương XVII Phần Năm Luật Sở hữu trí tuệ, Mục I Phần A Thông tư liên tịch 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP). Theo Khoản 4 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/07/2016 TAND cấp Huyện (quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Tỉnh giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, theo Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 30, TAND cấp Tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử giữa các cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.

Khi giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, Tòa án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp dân sự để xử lý hành vi xâm phạm (Điều 202 Luật Sở hữu trí tuệ, Mục IV Phần B Thông tư liên tịch 02/2008):

Một là, Tòa án ra quyết định buộc cá nhân, tổ chức có hành vi xâm phạm chấm dứt ngay hành vi xâm phạm theo yêu cầu của người khởi kiện, thể hiện trong bản án hoặc trong quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ví dụ: buộc người có hành vi xâm phạm quyền tác giả chấm dứt việc sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; buộc người có hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu chấm dứt việc sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ trùng với hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó.

Hai là, Tòa án ra quyết định trong bản án, quyết định buộc cá nhân, tổ chức có hành vi xâm phạm xin lỗi, cải chính công khai nhằm khôi phục danh dự, nhân

phẩm, uy tín, danh tiếng... để bảo vệ quyền nhân thân của chủ thể quyền. Ví dụ: Người có hành vi xâm phạm quyền tác giả đã sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm làm cho công chúng hiểu lầm về tác giả gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả. Việc buộc xin lỗi, cải chính công khai nhằm bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm khôi phục danh dự, uy tín cho tác giả. Trong trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về nội dung, cách thức xin lỗi, cải chính công khai và chi phí để thực hiện việc xin lỗi, cải chính đó mà thỏa thuận đó không trái pháp luật, đạo đức xã hội thì tòa án công nhận sự thỏa thuận của họ. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được với nhau thì Tòa án căn cứ vào tính chất hành vi xâm phạm và mức độ, hậu quả do hành vi đó gây ra quyết định về nội dung, thời lượng xin lỗi, cải chính công khai và chi phí thực hiện. Việc xin lỗi, cải chính công khai có thể được thực hiện trực tiếp tại nơi có địa chỉ chính của người bị thiệt hại hoặc đăng công khai trên báo hàng ngày của cơ quan trung ương, báo địa phương nơi có địa chỉ chính của người bị thiệt hại trong ba số liên tiếp.

Ba là, Tòa án áp dụng biện pháp buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm nghĩa vụ đối với chủ thể quyền. Hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng và phải chịu trách nhiệm dân sự, được xem là hành vi vi phạm nghĩa vụ.

Bốn là, cá nhân, tổ chức có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, gây thiệt hại (thiệt hại vật chất, thiệt hại tinh thần) cho chủ thể quyền thì bị Tòa án ra quyết định buộc cá nhân, tổ chức đó phải bồi thường thiệt hại. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được xác định theo các căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 604 của Bộ luật dân sự năm 2005 và hướng dẫn tại Mục 1 Phần I của Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 8 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Năm là, buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện

được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.

Khi khởi kiện hoặc sau khi khởi kiện, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong các trường hợp đang có nguy cơ xảy ra thiệt hại không thể khắc phục được cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, hoặc hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có nguy cơ bị tẩu tán hoặc bị tiêu hủy nếu không được bảo vệ kịp thời. Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ Thu giữ; Kê biên; Niêm phong; cấm thay đổi hiện trạng; cấm di chuyển; Cấm chuyển dịch quyền sở hữu (Điều 207 Luật Sở hữu trí tuệ).

Xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử bằng biện pháp hành chính được quy định tại Điều 211, Điều 213, Điều 214, Điều 215 Luật Sở hữu trí tuệ. Biện pháp hành chính được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 211 của Luật Sở hữu trí tuệ, theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra, tổ chức, cá nhân phát hiện hành vi xâm phạm hoặc do cơ quan có thẩm quyền chủ động phát hiện. Việc xử lý hành vi xâm phạm bằng biện pháp hành chính hướng tới mục đích đảm bảo sự quản lý của Nhà nước, chấm dứt hành vi xâm phạm, răn đe và ngăn ngừa các hành vi xâm phạm trong tương lai chứ không hướng đến mục đích bồi thường thiệt hại cho chủ thể quyền. Hình thức, mức phạt, thẩm quyền, thủ tục xử phạt hành vi xâm phạm và các biện pháp khắc phục hậu quả tuân theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp (Nghị định 131/2013/NĐ-CP, Nghị định 99/2013 NĐ-CP, Nghị định 124/2015 NĐ-CP, Thông tư 11/2015/TT-BKHCN). Đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu công nghiệp có thể bị xử lý hành chính.

Biện pháp hành chính sử dụng sức mạnh quyền lực của các cơ quan hành

chính thông qua các quyết định hành chính. Cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử: Thanh tra, Quản lý thị trường, Công an và Ủy ban nhân dân các cấp. Các cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ như Cục Sở hữu trí tuệ, Cục Bản quyền tác giả không có chức năng xử phạt hành chính.

Cá nhân, tổ chức có hành vi xâm phạm bị buộc phải chấm dứt hành vi xâm phạm và bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính: Cảnh cáo; Phạt tiền. Tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm, tổ chức, cá nhân xâm phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ; Đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đã xảy ra vi phạm. Ngoài ra, còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tiêu hủy hoặc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ (Điều 214 Luật Sở hữu trí tuệ).

Cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính khi có yêu cầu của chủ thể quyền: Tạm giữ người; Tạm giữ hàng hóa, tang vật, phương tiện vi phạm; Khám người; Khám phương tiện vận tải, đồ vật; khám nơi cất giấu hàng hóa, tang vật, phương tiện vi phạm về sở hữu trí tuệ; Các biện pháp ngăn chặn hành chính khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử bằng biện pháp hình sự được quy định tại Điều 212 Luật Sở hữu trí tuệ. Biện pháp hình sự được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm trong trường hợp hành vi đó có yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự. Biện pháp hình sự được thực hiện thông qua công tác điều tra, khởi tố, truy tố, xét xử bởi các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hình sự là cơ quan điều tra, Viện kiểm soát, Tòa án nhân dân theo pháp luật tố tụng hình sự.

Cá nhân, tổ chức có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hai tội danh: Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 225); Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 226) trong Chương XVIII Tội phạm trật tự kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, còn Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định tương ứng tại Điều 131, Điều 171. Đồng thời cụ thể quy định các tội phạm liên quan sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử: Điều 192 “Tội sản xuất, buôn bán hàng giả”, Điều 288 “Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông”, Điều 289 “Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác”, Điều 355 “Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. So với Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bãi bỏ Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp Điều 170 Bộ luật Hình sự 1999, bởi vì tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp thì có thể bị xử lý hành chính thay vì xử lý hình sự. Đồng thời Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại có hành vi vi phạm hình sự về quyền sở hữu trí tuệ (Khoản 4 Điều 225, Khoản 4 Điều 226) và phải chịu hình phạt nặng hơn so với cá nhân.

Tòa án ra quyết định áp dụng hình phạt chính: phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn; và hình phạt bổ sung: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc đối với cá nhân, tổ chức vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử khi có đủ bốn yếu tố cấu thành tội phạm.

Cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong thương mại điện tử đang được bảo hộ tại Việt Nam: sao chép tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình, hoặc phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm, bản sao bản ghi âm, bản sao bản ghi hình, mà không được phép của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan, thì tùy từng mức độ mà áp dụng phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 1 tỷ đồng, cải tạo không giam giữ đến 3 năm, hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm, và có thể áp dụng biện pháp bổ sung cấm hành nghề hoặc làm công việc từ 1 đến 5 năm. Pháp

nhân thương mại thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, tùy từng mức độ vi phạm thì bị phạt tiền từ 300 triệu đồng đến 3 tỷ đồng, và có thể áp dụng biện pháp bổ sung đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 6 tháng đến 2 năm, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 1 năm đến 3 năm (Điều 225).

Tại Điều 226 quy định cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu thì bị phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 1 tỷ đồng, cải tạo không giam giữ đến 3 năm, hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm, và có thể áp dụng biện pháp bổ sung cấm hành nghề hoặc làm công việc từ 1 đến 5 năm. Pháp nhân thương mại có hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu thì bị phạt tiền từ 500 triệu đồng đến 5 tỷ đồng, và có thể áp dụng biện pháp bổ sung đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 6 tháng đến 2 năm, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 1 năm đến 3 năm.

Khi giải quyết yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền. Quyết định cá biệt bị hủy thì quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm được khôi phục và có thể được bảo vệ bằng phương thức tự bảo vệ hoặc xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Kết luận Chương 1

Trong thương mại điện tử, quyền của chủ sở hữu tài sản trí tuệ số hóa được nâng cao giá trị nhưng cũng rất dễ bị xâm phạm nên việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử là cấp thiết. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử là việc nhà nước và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ sử dụng các phương thức pháp lý để bảo vệ quyền đối với tài sản trí tuệ số hóa của chủ sở hữu nhằm ngăn chặn, xử lý mọi sự xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử. Pháp luật và quyền lực nhà nước là công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử. Các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử bao gồm: Tự bảo vệ; Xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử bằng biện pháp dân sự, biện pháp hành chính hoặc biện pháp hình sự.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG THỰC THI PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Tình hình xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay

Công nghệ thông tin phát triển ảnh hưởng lớn đến quyền tác giả, quyền liên quan và quyền sở hữu công nghiệp trong thương mại điện tử. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử xảy ra ở mọi thành phần kinh tế tác động xấu không nhỏ đến nền kinh tế. Theo Báo cáo tổng kết chương trình phối hợp hành động phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (gọi tắt là Chương trình 168) giai đoạn 2 (2012 - 2015), các cơ quan chức năng tại Việt Nam đã tiếp nhận 25.996 vụ việc có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và xử lý vi phạm 25.543 vụ việc [7]. Số vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử chiếm 2,6% tổng số vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hành vi xâm phạm xảy ra nhiều nhất đối với quyền tác giả chiếm 79%, quyền liên quan chiếm 5%, quyền sở hữu công nghiệp chiếm 16%.

Công nghệ kỹ thuật số lan truyền nhanh chóng tài sản trí tuệ dưới dạng thông điệp dữ liệu. Trong thương mại điện tử, các tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan chủ yếu đối với phần mềm máy tính. Hiện nay 100% doanh nghiệp ở Việt Nam đã trang bị máy tính PC, laptop, đầu tư phần mềm máy tính chiếm 26% tổng mức đầu tư công nghệ thông tin [47, tr. 20]. Trong 5 năm từ năm 2011 đến năm 2015, xử lý xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan chủ yếu ở việc sử dụng phần mềm máy tính, mức xử phạt hơn 5 tỷ đồng và buộc các doanh nghiệp mua bản quyền phần mềm 4 triệu USD. Theo nghiên cứu của BSA, tỷ lệ sử dụng phần mềm không có bản quyền của Việt Nam là 78% trị giá 589 triệu USD, giảm 3% so với năm 2013 (620 triệu USD), năm 2011 (395 triệu USD). Từ năm 2006 – 2010, Việt Nam là một trong các nước vi phạm bản quyền phần mềm

máy tính cao nhất trên thế giới (tỷ lệ toàn thế giới là 39%) [55, tr. 6]. Mặc dù tỷ lệ này đã giảm theo các năm nhưng giảm không đáng kể khi công nghệ thông tin ở Việt Nam đang bùng nổ.

Bảng 2.1. Tỷ lệ phần trăm và giá trị thương mại vi phạm cài đặt phần mềm máy tính không có bản quyền ở Việt Nam từ năm 2009 đến năm 2015

(Đơn vị tính: %, Triệu USD)

Quốc gia	Tỷ lệ vi phạm bản quyền phần mềm máy tính				Tổng giá trị thương mại vi phạm bản quyền phần mềm máy tính			
	2015	2013	2011	2009	2015	2013	2011	2009
Việt Nam	78%	81%	81%	85%	598	620	395	353

(Nguồn: Liên minh Phần mềm doanh nghiệp (2016), Nghiên cứu về tình hình vi phạm bản quyền phần mềm toàn cầu)

Không chỉ có hành vi xâm phạm bản quyền phần mềm máy tính của doanh nghiệp trong nước mà cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động thương mại điện tử ở Việt Nam. Từ năm 2011 đến nay, đã có hai vụ kiện dân sự lớn liên quan đến sử dụng phần mềm máy tính vi phạm bản quyền của Microsoft: Tháng 12 năm 2013, Công ty Microsoft Việt Nam và Công ty Lạc Việt kiện Công ty Long John, doanh nghiệp 100% vốn Đài Loan có trụ sở tại tỉnh Đồng Nai, về việc Công ty Long John đã sử dụng phần mềm máy tính thuộc sở hữu của hai công ty này: phần mềm từ điển Lạc Việt, hệ điều hành Windows XP... trên 69 máy tính. Tháng 7 năm 2015, TAND Tỉnh Bình Dương xét xử vụ kiện Công ty Microsoft Việt Nam và Công ty Trimmers, doanh nghiệp 100% vốn Hàn Quốc, công ty Trimmers đã sử dụng phần mềm máy tính vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trên 41 máy tính.

Bên cạnh đó, xâm phạm quyền tác giả còn diễn ra đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học. Tình trạng xâm phạm bản quyền tác phẩm điện ảnh xảy ra trên hơn 400 website (tiếng Việt, tiếng nước ngoài) theo số liệu thống kê của Cục điện ảnh Việt Nam năm 2015, chẳng hạn vụ việc một số doanh nghiệp kinh doanh nội dung số phát lại phim do Let's Viet sản xuất và phát độc quyền, phim nước ngoài Let's Viet có bản quyền tại Việt Nam bằng hình thức đăng tải trên website và tích hợp trên đầu thu phát kỹ thuật số để bán ra thị trường mà không được phép của

đại diện kênh Let's Viet. Việc xử lý xâm phạm đối với các website gặp nhiều khó khăn vì các chủ thể đăng kí địa chỉ website ở nước ngoài hoặc lập website khác để tiếp tục hành vi xâm phạm tác phẩm trực tuyến. Tháng 7 năm 2013, Bộ VH-TT-DL đã xử phạt hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh của ba website “phim47.com”, “v1vn.com”, “pub.vn”, tuy nhiên trang “phim47.com” đổi thành “phimhh.com”, trang “pub.vn” đổi thành “pubvn.tv” tiếp tục đăng các bộ phim thuộc bản quyền của Hiệp hội Điện ảnh Mỹ MPA.

Tác phẩm trực tuyến là các chương trình truyền hình được đăng tải trên các website để thu chi phí quảng cáo mà không được phép của chủ sở hữu: Chương trình Táo quân năm 2014, Thần tượng âm nhạc, Giọng hát Việt trên trang Youtube. Vụ việc nổi bật là đạo diễn, họa sĩ Lưu Mạnh Tiến đã khiếu nại đến Cục Bản quyền tác giả về việc Đài truyền hình Việt Nam VTV đã phát sóng chương trình “Hát cùng Siêu chíp” trên kênh VTV2 và đăng tải trên Youtube sử dụng tên nhân vật, hình ảnh nhân vật hoạt hình: Gà chíp, Gà ngổ, Siêu gà... Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền hình (TVAd), đại diện của Đài Truyền Hình liên kết cùng Công ty Cổ phần Quảng cáo truyền thông (TV Media) sản xuất chương trình và thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả thu lợi bất chính, trong khi đó Cục Bản quyền tác giả đã cấp giấy chứng nhận quyền tác giả đối với kịch bản chương trình ca nhạc hoạt hình Hát cùng Siêu chíp, tuyền tập hình ảnh ba chú Gà và nhóm bê sâu xanh hình ảnh, logo chương trình ca nhạc cho bà Nguyễn Thị Thu Hà, mà chủ sở hữu là Công ty trách nhiệm hữu hạn quảng cáo tiếp thị Kim Cương. Mỗi quan hệ tác giả – chủ sở hữu quyền tác giả – tổ chức phát sóng giữa bốn thành phần tác giả (Lưu Mạnh Tiến, Nguyễn Thị Thu Hà), đơn vị là chủ sở hữu (Công ty Kim Cương), đơn vị sử dụng (TV Media) và đơn vị phát sóng (VTV).

Trong thương mại điện tử, số lượng doanh nghiệp bán hàng thông qua website là 45%, trang mạng xã hội là 28%, thông qua nền tảng thiết bị di động là 18%, còn lại là các ứng dụng khác [39, tr. 41-43]. Website, thiết bị di động trở thành công cụ chính để hoạt động thương mại điện tử. Hành vi giả mạo hoặc sao chép giao diện website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác để kiếm lợi hoặc để gây nhầm lẫn, gây mất lòng tin khách hàng đã xuất

hiện và tăng dần. Điển hình việc xâm phạm bản quyền thiết kế web là website “raovat.com” đã sao chép phần đầu trang web (header), thanh điều hướng (navigation bar) của trang TemplateMonster chuyên bán mẫu giao diện website (website template) lớn nhất thế giới. Một số trang web cũng sao chép menu các phân mục của các báo điện tử Hà Nội mới điện tử, Vietnamnet, Dân trí điện tử cho giao diện website mua bán hàng hóa trực tuyến.

Hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử do đặc điểm của đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan dễ dàng số hóa để lưu thông trên các phương diện tử hơn so với các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp.

Các vụ việc xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp trong thương mại điện tử ở Việt Nam xảy ra nhiều nhất trên các trang mạng. Các tổ chức, cá nhân lợi dụng công nghệ thông tin để thực hiện hành vi đăng dấu hiệu trùng, tương tự với nhãn hiệu được bảo hộ gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa hoặc sử dụng tên thương mại của doanh nghiệp khác gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, cơ sở kinh doanh, chẳng hạn nhiều website mua bán trực tuyến đăng các nhãn hiệu nổi tiếng NIKE, ADIDAS, TITAN... để mua bán hàng hóa giả mạo sở hữu trí tuệ; một số cơ sở kinh doanh sử dụng tên thương mại Sông Hồng của Tổng công ty may Sông Hồng trên website để mua bán sản phẩm chăn, ga, gối, đệm. Nhà hàng Nàng Gánh do bà Nguyễn Thị Thanh Nhân xây dựng gắn dòng chữ “Nhà hàng đầu tiên được xây dựng từ Facebook” đã đăng ký bảo hộ đối với nhãn hiệu Facebook ngày 10 tháng 12 năm 2013, bằng hiệu, tài liệu, giấy tờ và trang facebook thể hiện nhãn hiệu Facebook làm người tiêu dùng nhầm lẫn là nhà hàng của Công ty Facebook Inc, nhãn hiệu Facebook là nhãn hiệu nổi tiếng thế giới.

Các thông tin từ hoạt động đầu tư tài chính có giá trị lớn đối với thương nhân, tổ chức trong thương mại điện tử có thể bị đánh cắp, tiết lộ, chuyển nhượng, bán khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu. Vụ việc tiết lộ bí mật kinh doanh của hãng Apple tại California, nhân viên bộ phận dịch vụ Volt của nhà máy sản xuất máy tính Mỹ Jose Lopez đã đưa bản thiết kế, hình ảnh, đặc tính kỹ thuật của sản phẩm Power Marc C4 lên internet nhằm thu lợi bất chính. Ở Việt Nam chưa có vụ việc nào liên

quan đến việc tiết lộ, mua bán bí mật kinh doanh trong thương mại trên các phương tiện điện tử nhưng khả năng xảy ra cao khi thương mại điện tử Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ.

Vấn đề xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế trong thương mại điện tử ở Việt Nam chưa xuất hiện, khi công nghệ tăng cường độ phát triển thì xu hướng sẽ xảy ra là điều tất yếu, điều này cần được dự tính trước để xác định phương thức ngăn chặn, xử lý xâm phạm. Trên thế giới có bốn vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế trong thương mại điện tử: Apple - hãng công nghệ lớn nhất ở Mỹ kiện lên Tòa án California về việc Samsung sao chép về thiết kế, giao diện hay tính năng có trên iPhone, iPad; LG Display thuộc tập đoàn LG kiện Samsung sử dụng công nghệ OLED trên điện thoại, máy tính bảng dòng Galaxy; Yahoo! kiện Facebook đã sử dụng toàn bộ mô hình kết nối mạng xã hội của Yahoo!: tin nhắn, hệ thống tạo lập cung cấp tin tức, bình luận xã hội, hiển thị quảng cáo...; Trường đại học Wisconsin kiện Apple đã sử dụng công trình công nghệ nâng cao hiệu quả xử lý của các loại chip thông minh để tích hợp vào một số loại chip xử lý như A7, A8, A8X dùng trong iPhone 5S, iPhone 6 và iPhone 6 Plus.

Các tranh chấp về tên miền liên quan đến sở hữu công nghiệp gia tăng nhanh ở Việt Nam. Tên miền là tên được sử dụng để định danh địa chỉ Internet của máy chủ gồm các dãy ký tự cách nhau bằng dấu chấm “.” theo quan điểm của VNNIC, có chức năng nhận diện nguồn gốc thương mại của doanh nghiệp. Năm 2015 Việt Nam có 335.794 tên miền “.vn”, tập trung tại miền Bắc và miền Nam, tên miền được đăng ký trong lĩnh vực thương mại chiếm 56,56% trên khoảng trên 500.000 doanh nghiệp [92, tr. 8-20]. Theo quy định tại Điều 6 Thông tư 24/2015/TT-BTTTT, Điều 12 Nghị định 73/2013/NĐ-CP thì mọi cá nhân, tổ chức đều có quyền đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, tên miền quốc tế theo nguyên tắc “duy nhất” và nguyên tắc “đăng ký trước, sử dụng trước”, nên nhiều chủ thể lợi dụng quy định này để đăng ký trước tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác mà mình không có quyền sử dụng. Sau đó, các chủ thể này thực hiện giao dịch mua bán tên miền nhằm thu lợi hoặc trực tiếp chiếm giữ tên miền và sử dụng gây nhầm lẫn cho khách hàng, làm ảnh hưởng đến uy

tín của chủ sở hữu nhãn hiệu, tên thương mại. Nhiều vụ tranh chấp về tên miền liên quan đến nhãn hiệu: ebay.com.vn, ibm.com.vn, lafarge.com.vn, samsungmobile.vn, samsungmobile.com.vn, visa.com.vn, anz.com.vn, toyotavn.vn, camry.vn, innova.vn, sprite.com.vn, coke.com.vn... Vụ tranh chấp tiêu biểu là công ty Samsung khởi kiện ông Dương Hồng Minh đăng ký và sử dụng tên miền “samsungmobile.com.vn” có chữ “samsung” là nhãn hiệu nổi tiếng của công ty đã đăng ký bảo hộ tại Việt Nam, gây nhầm lẫn cho khách hàng, đồng thời ông Minh tiến hành rao bán tên miền “samsungmobile.com.vn” trên trang “muare.com” với giá 80 triệu. Vụ tranh chấp tên miền liên quan đến tên thương mại như: mhb.vn, habeco.vn, tvad.vn, agribank.vn, vbard.vn, vcbs.vn, nganhangxaydung.com, globalptrobank.com... điển hình là vụ tranh chấp giữa Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (HABECO) và Công ty TNHH INGAS về tên miền “habeco.vn”, HABECO đã đề nghị VNNIC cấp “habeco.vn” cho mình.

So với quyền tác giả, quyền liên quan, tình hình xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay ít hơn, tập trung chủ yếu ở các vụ việc xâm phạm nhãn hiệu, tên thương mại, chưa có vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế và bí mật kinh doanh, trong tương lai có khuynh hướng xảy ra. Ngoài ra, hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền sở hữu trong công nghiệp chủ yếu là đăng ký, sử dụng tên miền trùng, tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại, số lượng vụ việc tranh chấp tên miền liên quan đến nhãn hiệu hàng hóa gấp hai lần số lượng vụ việc tranh chấp tên miền liên quan đến tên thương mại. Các vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử xảy ra tập trung ở các thành phố lớn: TP. Hà Nội, TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

Cho đến nay, số liệu thống kê số lượng vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nói chung, và trong thương mại điện tử nói riêng không có con số cụ thể theo từng vụ việc, tỷ lệ phần trăm ước tính dựa trên thu thập số liệu từ các Báo cáo của các cơ quan chức năng. Số lượng vụ việc xảy ra chưa phản ánh hết tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử trên thực tế.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ngày càng gia tăng là do tài sản trí tuệ số hóa có khả năng truyền tải

rộng lớn, bị tạo bản sao hàng loạt dễ dàng, được sử dụng để kinh doanh ăn theo mà không mất chi phí sáng tạo, xây dựng, đem lại lợi nhuận lớn làm cho các cá nhân, tổ chức bị thu hút nên cố ý xâm phạm. Từ góc độ người tiêu dùng vẫn muốn có được tác phẩm số hóa, sáng chế tương tự mà không phải trả phí hoặc trả phí thấp hơn tác phẩm, sáng chế thật. Nhiều đơn vị kinh doanh không đăng ký bảo hộ, ý thức tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể quyền chưa cao. Nguyên nhân khác do các cá nhân, tổ chức cố ý thực hiện hành vi xâm phạm nhằm làm giảm uy tín của chủ sở hữu tài sản trí tuệ, gây nhầm lẫn cho khách hàng, thu lợi bất chính, hoặc nhằm mục đích cạnh tranh không lành mạnh.

2.2. Thực trạng thực thi các phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Thực thi quyền tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay

Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử thực chất là quyền dân sự, được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam. Phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử đầu tiên là quyền tự bảo vệ dựa trên căn cứ pháp lý Điều 9 Bộ luật Dân sự, Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ, Điều 21 Nghị định 105/2006/NĐ-CP. Phương thức tự bảo vệ được chủ thể quyền và các cá nhân, tổ chức liên quan lựa chọn đầu tiên trước khi áp dụng phương thức xử lý hành vi xâm phạm. Quyền tự bảo vệ thể hiện ý chí định đoạt cao và chủ động của chủ thể quyền, các cá nhân, tổ chức liên quan khác.

Biện pháp thứ nhất, để tránh các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử xảy ra, chủ thể quyền có thể đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, chủ thể quyền đăng ký bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan tại Cục Bản quyền tác giả, Văn phòng đại diện Cục Bản quyền tác giả tại TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, hoặc Sở VH-TTDL nơi tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan cư trú hoặc có trụ sở. Chủ thể quyền đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ, Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng.

Đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, chủ thể có thể đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Số lượng đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa tăng dần đều qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015, so với năm 2011 thì số lượng tổng số đơn đăng ký bảo hộ năm 2015 tăng 26,8%. Kết quả thống kê số lượng đơn đăng ký bảo hộ cho thấy các chủ thể quyền sở hữu công nghiệp đã có ý thức bảo vệ tài sản trí tuệ của mình tốt hơn và thông qua số liệu thống kê số lượng Văn bằng được cấp (Phụ lục 01) thì các chủ thể quyền đã chủ động tìm hiểu thông tin liên quan, đầu tư thời gian, công sức để hoàn thiện đủ các tiêu chuẩn để được cấp Văn bằng.

Bảng 2.2. Số lượng đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp từ năm 2011 đến năm 2016

(Đơn vị tính: Đơn)

Năm Đối tượng	Quý I	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
	Năm 2016	2015	2014	2013	2012	2011
Sáng chế	92	582	487	443	382	300
Kiểu dáng công nghiệp	348	1599	1593	1361	1349	1197
Nhãn hiệu hàng hóa	6715	30415	26584	24622	22838	22374
Tổng cộng	7155	32596	28664	26426	24569	23871

(Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ, Số lượng đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và văn bằng bảo hộ cấp ra, www.noip.gov.vn, ngày 18/05/2016)

Đối với nhãn hiệu nổi tiếng, nhãn hiệu đăng ký quốc tế, chủ thể có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ, các cá nhân, tổ chức công nhận, ví dụ: Interbrand group yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ, TAND TP. Hồ Chí Minh, Công ty cổ phần thương hiệu quốc tế công nhận “INTERBRAND” là nhãn hiệu nổi tiếng. Chủ thể yêu cầu cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân công nhận tên thương mại khi đã sử dụng hợp pháp, công nhận bí mật kinh doanh khi có được bí mật kinh doanh hợp pháp và thực hiện bảo mật bí mật kinh doanh.

Bởi vì quyền tác giả, quyền liên quan được xác lập theo cơ chế tự động từ khi tác phẩm được sáng tạo, định hình, thực hiện nên tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có quyền yêu cầu cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước

công nhận quyền sở hữu trí tuệ của mình, các chủ thể cũng có thể đăng ký bảo hộ để được cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, quyền liên quan. Vụ việc năm 2016, đạo diễn, họa sỹ Lưu Mạnh Tiến yêu cầu Đài truyền hình Việt Nam VTV công nhận quyền tác giả đối với hình ảnh nhân vật Gà con được Cục Bản quyền tác giả cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả.

Biện pháp thứ hai là áp dụng công nghệ có thể ngăn ngừa, tránh được các thiệt hại cho chủ thể quyền, còn các biện pháp khác hướng đến xử lý hành vi xâm phạm đã xảy ra bằng đơn yêu cầu Tòa án, Cơ quan hành chính xử lý xâm phạm. Các biện pháp công nghệ được các chủ thể áp dụng rộng rãi vì đơn giản, do chính chủ thể tự thực hiện nên không mất nhiều thời gian như các biện pháp khác (khiếu nại, tố cáo, khởi kiện), tạo được thế chủ động đối phó cho chính chủ thể trước khi hành vi xâm phạm xảy ra. Biện pháp này nhằm công bố tài sản trí tuệ được bảo hộ hoặc sử dụng công nghệ kỹ thuật để đánh dấu phân biệt, bảo vệ tài sản trí tuệ được bảo hộ, khuyến cáo mọi cá nhân, tổ chức không được xâm phạm. Các biện pháp công nghệ mà chủ thể áp dụng để công khai quyền sở hữu trí tuệ của mình như sử dụng các phương tiện điện tử: website, trang mạng xã hội, thư điện tử, trên nền thiết bị di động, truyền hình, truyền thanh hoặc công nghệ kỹ thuật đánh dấu, bảo vệ như mã hóa tác phẩm, tường lửa. 45% người dân Việt Nam truy cập mạng [39, tr. 24], và tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động thương mại điện tử tăng, biện pháp công nghệ chủ yếu mà doanh nghiệp sử dụng là thiết lập website để công khai tài sản trí tuệ.

*Bảng 2.3. Hình thức ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp
từ năm 2011 đến năm 2015*

(Đơn vị tính: %)

Loại hình	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2011
Website	45%	45%	43%	42%	30%
Trang mạng xã hội	28%	24%	23%	20%	19%
Ứng dụng thiết bị di động	18%	11%	8%	7%	4%

(Nguồn: Cục Thương mại điện tử và Công nghệ Thông tin (2011-2015), Báo cáo Thương mại điện tử Việt Nam năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, www.vecita.gov.vn)

Biện pháp thứ ba là yêu cầu chấm dứt hành vi, xin lỗi, cải chính, buộc bồi thường thiệt hại được thực hiện bởi chủ thể quyền đối với cá nhân, tổ chức có hành vi xâm phạm. Hầu hết các vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nếu xác định được hành vi xâm phạm, lỗi, thiệt hại xảy ra, chủ thể có hành vi xâm phạm, các chủ thể thường bắt đầu bằng việc yêu cầu chấm dứt hành vi, xin lỗi, cải chính, buộc bồi thường thiệt hại. Trong thế giới phẳng, khó khăn nhất là xác định chủ thể có hành vi xâm phạm, chẳng hạn xác định cá nhân, tổ chức lập trang web đăng phim, ảnh, lập tài khoản facebook sử dụng nhãn hiệu hàng hóa khi các cá nhân, tổ chức ở nước ngoài, đăng ký website ở nước ngoài... Biện pháp này không có hiệu quả khi cá nhân, tổ chức cố tình tiếp tục hành vi, không cải chính, xin lỗi, không thực hiện việc bồi thường thiệt hại. Họa sỹ Nguyễn Văn Lộc đã đăng ký bản quyền tác phẩm mỹ thuật ứng dụng “Hình ảnh thể hiện tranh tết dân gian” ngày 7 tháng 01 năm 2013 nhưng bị đăng tải rất nhiều trên website của 100 đơn vị quảng cáo, truyền hình, báo chí, kinh doanh... Họa sỹ đã gửi đơn yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm bản quyền đến các đơn vị nhưng chỉ có 7 đơn vị thực hiện.

Biện pháp thứ tư, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết thông qua hoạt động khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đòi hỏi chủ thể quyền phải xác định được tính chất, mức độ hành vi xâm phạm, tính chất vụ việc để làm đơn yêu cầu xử lý gửi đến đúng cơ quan chức năng. Chủ thể quyền có nghĩa vụ chứng minh quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại của mình là hợp pháp, được bảo hộ tại Việt Nam. Đối với chủ sở hữu hoặc người được chuyển giao, được thừa kế, kế thừa quyền sở hữu trí tuệ phải có chứng cứ chứng minh là chủ thể quyền. Đầu tiên chủ thể phải chứng minh được tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu thuộc đối tượng được bảo hộ, chẳng hạn: quyền tác giả, quyền của người biểu diễn, quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, quyền của tổ chức phát sóng không đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền thì các quyền này được xác định trên cơ sở bản gốc tác phẩm, bản định hình đầu tiên cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; đối với bí mật kinh doanh, đối tượng được bảo hộ được xác định trên cơ sở các tài liệu thể hiện nội dung, bản chất của bí mật kinh doanh và thuyết minh, mô tả về biện pháp bảo mật tương ứng.

Nếu các chủ thể đã đăng ký bảo hộ các tài sản trí tuệ của mình thì Văn bằng bảo hộ là loại chứng cứ có giá trị cao. Đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả, quyền của người biểu diễn, quyền của nhà sản xuất, quyền của tổ chức phát sóng, chứng cứ chứng minh chủ thể quyền: Bản sao Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan nộp kèm theo bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực theo quy định; Bản trích lục Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp; Bản trích lục Sổ đăng ký quốc gia về quyền tác giả, quyền liên quan; Bản trích lục Sổ đăng ký quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ do cơ quan có thẩm quyền đăng ký các đối tượng đó cấp (Điều 4 Nghị định 119/2010/NĐ-CP).

Ngoài chứng cứ chứng minh chủ thể quyền, cần có chứng cứ chứng minh hành vi xâm phạm đã xảy ra: sản phẩm có gắn thiết bị kỹ thuật bảo vệ quyền tác giả bị vô hiệu hoá trái phép, sao chép bản vẽ thiết kế... Các tài liệu, hiện vật là chứng cứ chứng minh xâm phạm phải lập thành danh mục, có chữ ký xác nhận của người yêu cầu xử lý xâm phạm: Bản gốc hoặc bản sao hợp pháp tài liệu mô tả, vật mẫu, hiện vật có liên quan thể hiện đối tượng được bảo hộ; Vật mẫu, hiện vật có liên quan, ảnh chụp, bản ghi hình sản phẩm bị xem xét; Bản giải trình, so sánh giữa sản phẩm bị xem xét với đối tượng được bảo hộ; Biên bản, lời khai, tài liệu khác nhằm chứng minh xâm phạm. Nếu chủ thể có yêu cầu bồi thường thiệt hại thì phải có chứng cứ chứng minh thiệt hại do hành vi xâm phạm xảy ra trực tiếp gây ra (tồn thất thực tế tài sản, tinh thần, giám sát thu nhập, lợi nhuận, tồn thất cơ hội kinh doanh, chi phí ngăn chặn, khắc phục thiệt hại), hoặc chứng cứ chứng minh nếu có yêu cầu áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo đảm xử phạt.

Như vậy, biện pháp thứ tư đòi hỏi chủ thể gửi kèm theo đơn yêu cầu xử lý rất nhiều tài liệu, chứng cứ, thủ tục rườm rà, tốn thời gian hơn các biện pháp khác. Nếu ba biện pháp trên thực hiện không hiệu quả thì chủ thể mới yêu cầu Cơ quan hành chính hoặc Tòa án giải quyết. Bên cạnh đó, chủ thể có quyền gửi đơn khiếu nại đến

các cơ quan thực thi bảo hộ sở hữu trí tuệ: Cục Bản quyền tác giả, Cục Sở hữu trí tuệ... hoặc gửi đơn tố cáo đến cơ quan Công an.

Biện pháp thứ năm, chủ thể có thể tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bằng cách khởi kiện tại Tòa án nhân dân hoặc Trọng tài thương mại giải quyết vụ việc dân sự. Cho đến nay không có vụ tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử nào giải quyết tại Trọng tài thương mại, chủ thể quyền thường chọn giải quyết tranh chấp bằng con đường Tòa án: khi phát hiện Công ty cổ phần VNG đăng tải bản ghi âm bài hát “Đường đến vinh quang” trên trang “mp3.zing” trong thời gian dài, nhạc sỹ Trần Lập đã yêu cầu Công ty VNG chấm dứt hành vi xâm phạm bản quyền tác phẩm của mình, bồi thường 150 triệu đồng nhưng không có kết quả, nhạc sỹ Trần Lập gửi đơn khởi kiện đến TAND TP. Hồ Chí Minh để bảo vệ quyền tác giả của mình năm 2014.

Ngoài chủ thể quyền, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh hoặc bị thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Pháp luật Việt Nam mở rộng chủ thể quyền tự bảo vệ đối với các cá nhân, tổ chức khác. Tháng 8 năm 2014 ca sĩ Đăng Khôi gửi đơn khởi kiện Công ty VNG lên TAND TP. Hồ Chí Minh về hành vi đăng gần 1000 bài hát vi phạm bản quyền của các ca sĩ Hàn Quốc.

Chủ thể quyền, tổ chức, cá nhân khác có thể áp dụng lần lượt hoặc đồng thời các biện pháp tự bảo vệ tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm. Trong năm biện pháp tự bảo vệ, biện pháp áp dụng công nghệ để ngăn chặn hành vi xâm phạm được áp dụng phổ biến nhất vì do chính chủ thể tự thực hiện và ngăn ngừa khi hành vi chưa xảy ra. Biện pháp yêu cầu công nhận hoặc đăng ký bảo hộ được chủ thể coi trọng, tuy nhiên trên thực tế có rất nhiều đơn vị kinh doanh không tiến hành đăng ký bảo hộ vì phải thỏa mãn điều kiện bảo hộ, thủ tục bảo hộ hoặc chậm đăng ký bảo hộ. Biện pháp thứ tư, thứ năm chỉ thực hiện khi hành vi xâm phạm đã xảy ra, không có tính chất ngăn ngừa, phòng bị. Yêu cầu xử lý xâm phạm bằng biện pháp dân sự,

hành chính hay hình sự, chủ thể phải làm đơn khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ thể phải tuân thủ các quy định pháp luật về tố tụng dân sự, tố tụng hành chính hay hình sự: thẩm quyền xử lý, ra quyết định. Thực tế nhiều đơn vị kinh doanh khi nộp đơn yêu cầu cơ quan hành chính xử lý hành vi xâm phạm thì bị các cơ quan hành chính xem xét tài sản trí tuệ của mình dẫn đến tâm lý e ngại. Mặc dù biết hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ xảy ra nhưng doanh nghiệp không chủ động hợp tác với các cơ quan chức năng vì sợ khi công bố hàng giả mạo sở hữu trí tuệ thì làm giảm uy tín, thu nhập do khách hàng hoang mang không thể phân biệt hoặc khi công bố cách phân biệt thật giả thì lại là cơ sở để các chủ thể khác làm theo. Tuy nhiên biện pháp thứ tư và thứ năm lại hữu hiệu nhất khi cá nhân, tổ chức cố tình tiếp tục hành vi xâm phạm.

2.2.2. Thực thi các biện pháp xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay

So với phương thức tự bảo vệ, phương thức xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử là hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sử dụng quyền lực nhà nước để giải quyết các vụ việc xâm phạm, có tính chất rắn đẽ, phòng ngừa cao. Phương thức xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử bằng biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự, trong đó biện pháp dân sự đóng vai trò quan trọng nhất. Chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra thiệt hại ngoài hợp đồng, phải chịu trách nhiệm dân sự tương ứng. Biện pháp hành chính, biện pháp hình sự nhằm mục đích trừng phạt, giáo dục, ngăn chặn hành vi xâm phạm, còn biện pháp dân sự hướng đến mục đích khôi phục quyền tài sản, quyền nhân thân cho chủ thể, chủ thể có quyền yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần.

Bản chất quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử là quyền dân sự, việc xử lý xâm phạm bằng biện pháp dân sự theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ là giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân. Các cơ quan hành chính khác chỉ thực hiện chức năng ngăn chặn hành vi xâm phạm xảy ra.

Từ năm 2011 đến năm 2015 toàn ngành Tòa án giải quyết 55 vụ án sở hữu trí tuệ trong đó có 43 vụ án dân sự về quyền sở hữu trí tuệ, vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử chiếm 10 vụ: 3 vụ tranh chấp quyền tác giả đối với bài hát, hình ảnh, 6 vụ tranh chấp bản quyền phần mềm máy tính, 1 vụ tranh chấp quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu [80]. Tiêu biểu như vụ án Công ty Microsoft Việt Nam và Công ty Lạc Việt kiện công ty Long John vi phạm bản quyền phần mềm máy tính tại TAND Tỉnh Đồng Nai năm 2013; vụ án Công ty Microsoft Việt Nam kiện Công ty Trimmers sử dụng phần mềm không có bản quyền năm 2015 tại TAND Tỉnh Bình Dương; vụ án Công ty Shunwang khởi kiện Công ty CP Tin học Hòa Bình sử dụng phần mềm iCafe Marvin tại TAND TP.Hà Nội năm 2015; vụ nhiếp ảnh gia Mạc Bảo Khánh kiện Công ty TNHH Hoàn Cầu Xanh về việc đổi tên tác phẩm nhiếp ảnh “Đà Nẵng hướng đến tương lai” thành “Đà Nẵng và những cây cầu” trên website tại TAND Quận Hải Châu năm 2015, vụ nhạc sỹ Trần Lập kiện Công ty VNG đăng tải bài hát “Đường đến vinh quang” tại TAND TP.Hồ Chí Minh năm 2014; vụ Interbrand Group kiện Công ty Cổ phần thương hiệu Quốc tế sử dụng dấu hiệu “INTERBRAND” như nhãn hiệu trong hoạt động kinh doanh, phương tiện quảng cáo bên ngoài và trên mạng Internet; sử dụng tên viết tắt “INTERBRAND JSC”, sử dụng tên miền “www.interbrand.com”; “www.interbrandvn.com” gây nhầm lẫn với nhãn hiệu nổi tiếng “INTERBRAND” tại TAND TP.Hồ Chí Minh năm 2012; vụ tranh chấp giữa Công ty TNHH Văn hóa Đông Tây và công ty TNHH QGS về phần mềm hệ thống website tại TAND TP. Đà Nẵng năm 2013. Tranh chấp về quyền tác giả chiếm 90% tổng số vụ tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử giải quyết tại Tòa án, chủ yếu là tranh chấp về phần mềm máy tính chiếm 60%, Việt Nam ký kết tham gia TPP (thỏa thuận thương mại tự do giữa 12 quốc gia) thì số lượng vụ án tranh chấp về phần mềm máy tính được dự báo sẽ tăng lên.

Cho đến nay Tòa án chưa xét xử vụ tranh chấp nào về tên thương mại, bí mật kinh doanh, sáng chế trong thương mại điện tử.

Bảng 2.4. Số lượng vụ án dân sự về sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được giải quyết tại Tòa án từ năm 2011 đến năm 2015

(Đơn vị tính: Vụ án)

Loại vụ án		Tổng số thụ lý	Tổng số vụ án đã giải quyết	Tổng số vụ án còn lại
Tranh chấp về quyền tác giả	Tác phẩm	4	3	1
	Phần mềm máy tính	7	6	1
Tranh chấp về quyền sở hữu công nghiệp	Nhãn hiệu	1	1	0
	Sáng chế	0	0	0
	Tên thương mại	0	0	0
	Bí mật kinh doanh	0	0	0
Tổng cộng		12	10	2

(Nguồn: Tòa án nhân dân Tối cao, Báo cáo chương trình phối hợp hành động phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2012 – 2015, www.thanhtra.most.gov.vn, ngày 29/4/2016)

Số liệu thống kê cho thấy số lượng vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử giải quyết tại Tòa án rất thấp, chiếm 23% tổng số vụ án dân sự về sở hữu trí tuệ tại Tòa án, không phản ánh được tình hình xâm phạm thực tế. Việc xét xử các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử đòi hỏi thẩm phán có chuyên môn, hầu hết các tranh chấp đều được giải quyết tại TAND cấp Tỉnh, một số vụ tranh chấp quyền tác giả nhưng chỉ có một bên có mục đích lợi nhuận do TAND cấp Huyện giải quyết. Nếu vụ tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử có yếu tố nước ngoài thì do TAND TP. Hà Nội, TAND TP. Hồ Chí Minh. Hiện nay, trong hệ thống Tòa án Việt Nam chưa có Tòa sở hữu trí tuệ chuyên trách.

Về kết quả giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử trong 10 vụ án dân sự, Tòa án chủ yếu ra quyết định áp dụng biện pháp: buộc chấm dứt hành vi xâm phạm, buộc bồi thường thiệt hại; thể hiện rõ bản chất trách nhiệm dân sự, chẳng hạn: TAND TP. Đà Nẵng ra quyết định buộc Công ty Hoàn Cầu Xanh chấm dứt hành vi xâm phạm, bồi thường 14 triệu đồng cho ông Mạc Bảo Khánh, TAND Tỉnh Đồng Nai tuyên án buộc Công ty Long John chấm dứt hành vi sử dụng phần mềm không được sự cho phép của Microsoft. Trong đó có 1 vụ thực

hiện công nhận nhãn hiệu nổi tiếng của doanh nghiệp nước ngoài. Biện pháp buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự, buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ không được áp dụng. Còn biện pháp buộc xin lỗi cải chính công khai thường áp dụng đối với tranh chấp quyền tác giả để khôi phục quyền nhân thân cho tác giả, chủ sở hữu như trong vụ tranh chấp giữa Công ty Shunwang và Công ty Hòa Bình về quyền sở hữu đối với phần mềm iCafe Marvin.

Trong quá trình giải quyết vụ việc, Tòa án có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ngăn chặn hành vi xâm phạm tiếp diễn, ngăn chặn thiệt hại xảy ra hoặc tẩu tán tài sản. Theo quy định tại Điều 114 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có 14 biện pháp khẩn cấp tạm thời, Tòa án chỉ có thể áp dụng 4 biện pháp: Thu giữ; Kê biên; Niêm phong; Cấm thay đổi hiện trạng; cấm di chuyển; Cấm chuyển dịch quyền sở hữu theo Điều 207 Luật Sở hữu trí tuệ. Thực tiễn xét xử cho thấy, Tòa án chưa áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nào do nguyên đơn không có yêu cầu hoặc không thuộc trường hợp Tòa án tự quyết định áp dụng.

Thời gian giải quyết vụ tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử thường kéo dài trung bình từ 6 tháng đến 18 tháng do tính chất phức tạp của vụ việc. Theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đối với vụ án dân sự là 4 tháng kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án; đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án có thể gia hạn nhưng không quá 2 tháng, trên thực tế, thời gian chuẩn bị xét xử đối với vụ việc tranh chấp quyền tác giả phần mềm máy tính và tranh chấp quyền sở hữu công nghiệp kéo dài từ 6 tháng đến 1 năm vì Tòa án cần trung cầu giám định, hoặc những vụ việc có yếu tố nước ngoài, việc cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh của đương sự kéo dài thời gian. Thời gian giải quyết tranh chấp kéo dài ảnh hưởng đến quá trình hoạt động thương mại, khai thác giá trị tài sản trí tuệ không đáp ứng được nhu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ kịp thời, nhanh gọn, thay vào đó các bên thường yêu cầu cơ quan hành chính giải quyết.

Toàn ngành Tòa án có 4957 Thẩm phán (Thẩm phán TANDTC, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp) [81, tr. 1], hàng năm số lượng Thẩm phán tăng lên song số lượng Thẩm phán có kinh nghiệm xét xử và lý luận chuyên môn sâu về sở hữu trí tuệ chỉ chiếm 7,7%. Nhìn nhận từ góc độ Tòa án, do độ khó của vụ tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử nên đội ngũ Thẩm phán gặp không ít khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết khiến thời gian bị kéo dài, chất lượng giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử tại Tòa án không cao. Một số trường hợp Thẩm phán ra quyết định tạm đình chỉ vụ án để trung cầu ý kiến của các cơ quan chuyên ngành trong việc giám định đánh giá, kết luận hành vi xâm phạm. Giải quyết vụ tranh chấp phần mềm website giữa Công ty Văn hóa Đông Tây và Công ty QGS, TAND TP. Đà Nẵng đã gửi công văn đề nghị Sở VH TTDL, Sở TTTT giới thiệu giám định viên tư pháp, hai Sở đề nghị Tòa án làm việc với Cục Bản quyền tác giả. Cục Bản quyền tác giả trả lời chưa có tổ chức giám định quyền tác giả sau ba lần gửi công văn của Tòa án. Sau đó, Tòa án tiếp tục nhờ sự trợ giúp của Sở VH TTDL giới thiệu chuyên gia giám định. Từ lúc thụ lý vụ án tháng 6 năm 2012 đến khi nhận được câu trả lời của hội đồng giám định tháng 02 năm 2014 thì Tòa án mới có căn cứ đưa vụ việc ra xét xử. Trong vụ Interband Group kiện Công ty cổ phần thương hiệu quốc tế, TAND TP. Hồ Chí Minh thụ lý tháng 8 năm 2010 theo văn bản số 675/2010/KDTMST nhưng tạm đình chỉ vụ án vì chờ kết quả trả lời của Cục Sở hữu trí tuệ về việc xác định nhãn hiệu nổi tiếng. Tháng 8 năm 2011 Cục Sở hữu trí tuệ gửi công văn số 5467 trả lời nhãn hiệu INTERBRAND là nhãn hiệu nổi tiếng, Tòa án mới xem xét. Như vậy, Tòa án còn phụ thuộc vào kết luận của các cơ quan chuyên ngành. Bên cạnh đó, số lượng vụ việc tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được xét xử tại Tòa án rất ít, chẳng hạn số lượng vụ án tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ được giải quyết tại Tòa án nhân dân Đà Nẵng từ năm 2010 đến năm 2015 chỉ có 7 vụ trên tổng 8 vụ án thụ lý, trong đó số lượng vụ án tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử chỉ có 2 vụ (Phụ lục 02). Do đó kinh nghiệm xét xử đúc kết không nhiều, năng lực giải quyết của Thẩm phán còn hạn chế.

Những nguyên nhân trên dẫn đến số lượng giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử không nhiều, bình quân một năm 2 vụ. Ngoài ra còn do tâm lý của chủ thể quyền, các tổ chức, cá nhân liên quan muốn bảo mật thông tin về tài sản trí tuệ, đảm bảo bí mật kinh doanh, sợ ảnh hưởng uy tín, kết quả kinh doanh. Khi đưa vụ việc ra Tòa án xét xử đòi hỏi thủ tục, trình tự, chứng cứ chứng minh hành vi xâm phạm, thiệt hại trong khi chi phí cho hoạt động tư pháp tốn kém hơn biện pháp hành chính về án phí, lệ phí, thuê luật sư... thời gian giải quyết kéo dài hơn 1 năm mà kết quả giải quyết không như mong đợi vì một số trường hợp xét xử hai lần nên các chủ thể không chọn con đường Tòa án mà chọn cách giải quyết tại cơ quan hành chính hiệu quả, đơn giản hơn.

Biện pháp hành chính là sử dụng quyền lực của cơ quan hành chính thông qua các quyết định hành chính nhằm xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Theo quy định của pháp luật hiện hành, xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử thuộc thẩm quyền của nhiều cơ quan thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, điều tra, xét xử: Quản lý thị trường, cơ quan Thanh tra (Thanh tra KHCCN, Thanh tra VHTTDL, Thanh tra TTTT...), Ủy ban nhân dân các cấp, Cơ quan Công an (Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự kinh tế, Cảnh sát điều tra tội phạm công nghệ cao...), Tòa án nhân dân các cấp. Mặc dù có nhiều cơ quan cùng có thẩm quyền áp dụng các biện pháp hành chính nhưng thẩm quyền thuộc về cơ quan thụ lý vụ việc đầu tiên. Trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2015, các cơ quan chức năng đã xử lý vi phạm hành chính tới 25.543 vụ việc, trong đó có 2,6% vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, gấp 55 lần số vụ việc xử lý bằng biện pháp dân sự. Như vậy, 98% vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được giải quyết bằng biện pháp hành chính.

Hình thức xử phạt chính đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử là cảnh cáo và phạt tiền, các cơ quan chức năng chỉ được quyết định áp dụng một hình thức xử phạt chính cùng với việc yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm, ngoài ra có thể áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục

hậu quả, biện pháp ngăn chặn, bảo đảm xử phạt hành chính. Đối với vụ án xâm phạm sở hữu trí tuệ nói chung, các cơ quan chức năng đã ra quyết định áp dụng hình thức cảnh cáo đối với 68 vụ việc, hình thức phạt tiền đối với 23.197 vụ việc với tổng số tiền xử lý vi phạm gần 97 tỷ đồng [7], trong thương mại điện tử thì hình thức phạt tiền được áp dụng nhiều hơn 37 lần so với hình thức cảnh cáo (cảnh cáo 16 vụ, phạt tiền đối với 603 vụ), hình thức phạt tiền được áp dụng thường xuyên. Các hình thức xử phạt bổ sung (Tịch thu hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ; Đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đã xảy ra vi phạm) và biện pháp khắc phục hậu quả (Buộc tiêu hủy hoặc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ) được quy định tại Khoản 2 Điều 214 Luật Sở hữu trí tuệ không có khả năng thực thi xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, thay vào đó các cơ quan chức năng thường ra quyết định buộc bên có hành vi xâm phạm chấm dứt hành vi đó, phạt tiền, buộc mua phần mềm máy tính có bản quyền đối với xâm phạm bản quyền phần mềm.

Trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan, Thanh tra VHTTDL phối hợp với Cảnh sát phòng chống tội phạm công nghệ cao đã xử lý và giải quyết 100% đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm bản quyền phần mềm máy tính, tiến hành thanh tra 325 doanh nghiệp, phạt tiền đến 6,96 tỷ đồng từ năm 2012 đến năm 2015. Từ năm 2006 đến năm 2015, cơ quan này đã thanh tra 541 doanh nghiệp, lập 499 quyết định xử phạt hành chính và nộp vào ngân sách nhà nước 8,6 tỷ đồng, chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra 1 vụ. Vai trò chủ đạo của cơ quan thanh tra trong xử lý xâm phạm thể hiện rõ, hiệu quả công tác thực thi cao, ngăn chặn được hành vi xâm phạm.

Trong lĩnh vực quyền sở hữu công nghiệp, số lượng vụ việc xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp giải quyết bằng biện pháp hành chính chủ yếu là xâm phạm nhãn hiệu, riêng năm 2014 là 1082 vụ, phạt trên 15 tỷ đồng (Phục lục 03), tập trung tại TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Yên Bái, Tây Ninh, Đồng Nai, Cần Thơ [37, tr.14].

Vụ việc xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp do Thanh tra KHCN xử lý tăng lên: 13 vụ năm 2011, 36 vụ năm 2012, 41 vụ năm 2015 [76], trách nhiệm hành chính áp dụng đối với chủ thể xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp chủ yếu là phạt tiền.

Bảng 2.5. Số liệu xử phạt hành chính xâm phạm bản quyền phần mềm máy tính từ năm 2012 đến năm 2015

Năm	Số lượng doanh nghiệp bị thanh tra	Số lượng máy tính bị thanh tra	Tổng số tiền phạt (đơn vị: tỷ đồng)
2012	89	3907	1,57
2013	64	3958	1,3
2014	83	3879	1,57
2015	89	3942	2,52
Tổng	325	15686	6,96

(Nguồn: Bộ Khoa học – Công nghệ (2016), Báo cáo chương trình phối hợp hành động phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2012-2015)

Cơ quan Thanh tra đóng vai trò quan trọng và là đầu mối phối hợp xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, số lượng vụ việc xâm phạm bị phát hiện, kiểm tra và xử lý nhiều hơn các cơ quan hành chính khác: cơ quan Công An đã phát hiện tổng số 2.047 vụ xâm phạm sở hữu trí tuệ, khởi tố 381 vụ đối với 553 bị can, chuyển xử lý hành chính 1564 vụ, phạt tổng số tiền 28,5 tỷ đồng, trong đó xử lý 8% vụ việc thương mại điện tử giai đoạn 2012 – 2015; Quản lý thị trường thực hiện chức năng kiểm tra hàng hóa giả mạo sở hữu trí tuệ nhưng số lượng vụ việc hàng hóa giả mạo nhãn hiệu trên phương tiện điện tử không nhiều; Tòa án hoặc cơ quan chức năng khác có thẩm quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền thông qua giải quyết vụ việc hành chính, tuy nhiên trong lĩnh vực thương mại điện tử thì chưa có quyết định của Tòa án hủy quyết định cá biệt trái pháp luật xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nào.

Ngoài các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ còn có các cơ quan có chức năng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ: Cục Bản quyền tác giả, Cục Sở hữu trí tuệ, Sở VHTTDL, Bộ VHTTDL, Sở KHCN, Bộ KHCN... Các cơ quan này hỗ trợ cho cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong việc kết luận các yếu tố liên quan sở hữu trí tuệ. Thực tiễn, hoạt động của các cơ quan này về

việc xác định nhãn hiệu nổi tiếng hay đối tượng sở hữu trí tuệ đã được đăng ký bảo hộ có cơ sở thực hiện dựa trên thống kê hàng năm, nhưng vấn đề giám định không được thực hiện tốt như không giới thiệu được giám định viên, không kết luận được có yếu tố xâm phạm hoặc chậm thực hiện hỗ trợ.

Ở Việt Nam, biện pháp hành chính được áp dụng rộng rãi để xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử. Các bên khởi kiện ra Tòa án luôn gặp khó khăn và mất thời gian trong việc cung cấp chứng cứ chứng minh chủ thể quyền, hành vi xâm phạm và thiệt hại, nếu chứng cứ không đầy đủ thì Tòa án không chấp nhận, Tòa án chỉ có chức năng xét xử nếu có đơn khởi kiện của các bên chứ không có chức năng xác thực chứng cứ. Nếu lựa chọn phương thức giải quyết bằng biện pháp hành chính, các chủ thể cũng có nghĩa vụ nộp chứng cứ chứng minh như trên nhưng trách nhiệm chứng minh không cao, bởi vì sau khi thụ lý các cơ quan chức năng sẽ tiến hành thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra để tiếp tục xác minh. Bên cạnh đó, thời gian xử lý xâm phạm nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng yêu cầu của các chủ thể trong kinh doanh thương mại. Thủ tục đơn giản chỉ bằng cách nộp đơn yêu cầu xử lý và tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng không đòi hỏi nghĩa vụ chứng minh cao như tố tụng tư pháp. Các cơ quan hành chính đều là các cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực bị xâm phạm nên việc kiểm tra, xử lý nhanh hơn trong khi Tòa án cần sự trợ giúp của các cơ quan này trong việc giám định. Đó là nguyên nhân dẫn đến việc xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử cần được giải quyết bằng biện pháp dân sự thì lại bị “hành chính hóa”. Tuy vậy, biện pháp hành chính có những bất cập sau: Mức tiền xử phạt hành chính còn thấp, hiện nay theo quy định Điều 2 Nghị định 99/2013/NĐ-CP mức xử phạt tối đa đối với cá nhân là 250 triệu đồng, đối với tổ chức là 500 triệu đồng, trong thương mại điện tử, con số lợi nhuận tăng lên gấp nhiều lần so với kinh doanh thông thường, nhiều vụ việc xảy ra các chủ thể đã không lựa chọn biện pháp hành chính mà lựa chọn giải quyết tranh chấp tại Tòa án, ví dụ: phần mềm máy tính Công ty Long John sử dụng gần 1 tỷ đồng, nếu đưa ra xử lý hành chính thì chỉ bị phạt 500 triệu đồng, không tương ứng tính chất, mức độ hành vi xâm phạm, nên hai Công ty

là gửi đơn khởi kiện lên Tòa án. Biện pháp dân sự bảo vệ quyền nhân thân, quyền tài sản tối ưu trước những hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, chủ thể được bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần, xác định thiệt hại đến đâu bồi thường đến đó, còn biện pháp hành chính là sử dụng quyền lực nhà nước, các quyết định hành chính xử lý xâm phạm chủ yếu là phạt tiền, số tiền phạt thu về nộp cho ngân sách nhà nước, bản thân chủ thể quyền không được bồi thường thiệt hại thỏa đáng. Có những vụ việc xâm phạm đã xử lý bằng biện pháp hành chính không đủ mạnh, không có khả năng ngăn chặn, răn đe, không giải quyết được vấn đề tận gốc do chủ thể vẫn cố ý tiếp tục hành vi xâm phạm, chủ thể quyền tiến hành khởi kiện như vụ Công ty Thúy Mỹ Tư bị Liên Minh Phần mềm BSA khởi kiện, các cơ quan hành chính vẫn không thể thay thế được vai trò của Tòa án. Ngoài ra, thẩm quyền xử lý thuộc nhiều cơ quan nên chông chéo về thẩm quyền, các cơ quan này chưa phối hợp đồng bộ, đùn đẩy trách nhiệm. Cán bộ thuộc các cơ quan hành chính không được đào tạo chuyên sâu nên không thể giải quyết các vụ việc phức tạp, có những trường hợp lạm dụng quyền lực những nhiều doanh nghiệp. Những vướng mắc này cho thấy biện pháp dân sự vẫn là biện pháp hữu hiệu để xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nói chung, trong thương mại điện tử nói riêng.

Xử lý xâm phạm bằng biện pháp hình sự, thực chất là giải quyết vụ án hình sự về sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử đối với những hành vi có cấu thành tội phạm tại TAND theo tổ tụng hình sự. Trách nhiệm hình sự đặt ra đối với hành vi xâm phạm có tính chất răn đe, giáo dục, phòng ngừa cao nhất. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định trách nhiệm hình sự đối với cá nhân, pháp nhân thương mại trực tiếp tại Điều 225, Điều 226. Từ năm 2011 – 2015 có 381 vụ án về quyền sở hữu trí tuệ bị khởi tố nhưng chỉ có 12 vụ án hình sự về quyền sở hữu trí tuệ được đưa ra xét xử, trong đó chỉ có 1 vụ việc liên quan đến thương mại điện tử [80]. Điều này cho thấy xử lý bằng biện pháp hình sự không được các bên lựa chọn hoặc chưa đến mức xử lý trách nhiệm hình sự để bị tố cáo, khởi tố. Qua thực tiễn xét xử, có thể đánh giá quy định hình phạt đối với xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử còn nhẹ. Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tội xâm phạm quyền tác

giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp chỉ bị xem là tội phạm ít nghiêm trọng, khung cao nhất đối với người phạm tội là phạt tù đến 03 năm, đối với pháp nhân là phạt tiền đến 1 tỷ đồng, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm, trong khi xu hướng hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử sử dụng công nghệ cao sẽ tăng lên, thiệt hại lớn đối với doanh nghiệp, xã hội.

Như vậy, hầu hết các vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử chủ yếu bị xử lý bằng biện pháp hành chính, số vụ việc giải quyết tại Tòa án chỉ chiếm 2% tổng số vụ việc giải quyết tại các cơ quan hành chính.

Thực thi xử lý xâm phạm do Tòa án tiến hành cần có sự phối hợp của các cơ quan hành chính chẳng hạn sự phối hợp giữa Tòa án, Viện kiểm sát, Cục Bản quyền tác giả, Sở Văn hoá - Thông tin, Cục Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ nơi thụ lý vụ án, Trung tâm Internet Việt Nam: Tòa án gửi văn bản cho các cơ quan này yêu cầu trao đổi ý kiến về chuyên môn sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử; khi truy tố, xét xử vụ án hình sự Viện kiểm sát, Tòa án thông báo cho các cơ quan này để chuyển tài liệu liên quan. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa các cơ quan này và Tòa án chưa đảm bảo hiệu quả làm kéo dài thời gian xét xử: Cục Sở hữu trí tuệ chậm trả lời xác định nhãn hiệu nổi tiếng INTERBRAND, Cục Bản quyền tác giả không phối hợp giới thiệu giám định yếu tố xâm phạm phần mềm thiết kế website trong khi Sở VH TTDL trả lời không có tổ chức giám định...

Tình hình xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ngày càng gia tăng nhưng rất ít vụ việc được đưa ra xét xử tại Tòa án, các cơ quan hành chính luôn đóng vai trò ngăn chặn, xử lý kịp thời. Chương trình hành động 168 về hợp tác phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2006 – 2010 và giai đoạn 2012 – 2015 được tiến hành bởi ký kết bởi chín Bộ: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ TTTT, Bộ Tài chính, Bộ VH TTDL, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm soát nhân dân Tối cao. Chương trình hành động 168 là sự gắn kết phối hợp giữa các cơ quan riêng rẽ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ giúp các cơ quan thực hiện tốt chức năng: phối hợp cung cấp thông tin; phối hợp

trong công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý xâm phạm; hỗ trợ phương tiện, kinh phí; phối hợp thu thập tài liệu, chứng cứ, giám định; phối hợp xử phạt; phối hợp hoạch định chủ trương, chính sách, lên kế hoạch. Hiện nay các cơ quan đã xây dựng website chung cho các bộ ngành, tổng hợp số liệu thống kê xử lý xâm phạm, xây dựng văn bản pháp lý (trình Chính phủ ban hành 16 Nghị định, trực tiếp ban hành 16 Thông tư), nổi bật là công tác phối hợp phát hiện và xử lý xâm phạm như: Đoàn thanh tra liên ngành gồm Thanh tra VHTTDL phối hợp với Cục cảnh sát phòng chống tội phạm công nghệ cao tiến hành kiểm tra, thanh tra xâm phạm bản quyền máy tính đối với Công ty Cổ phần điện tử Bình Hòa, chi nhánh Công ty Miwon tháng 5 năm 2015. Bên cạnh đó, hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao năng lực cho cán bộ thực thi được đẩy mạnh: đã tổ chức được 12 lớp tập huấn, 137 khóa đào tạo, cùng với hàng trăm hội thảo, tập huấn, hợp tác với các đối tác nước ngoài tổ chức nhiều sự kiện trao đổi kinh nghiệm [35, tr. 5]. Tuy vậy, đánh giá khách quan sự phối hợp giữa các cơ quan hành chính chưa kịp thời, chưa giải quyết được tình trạng xâm phạm trên thực tế, ví dụ: hàng loạt trang web bán hàng giả mạo thương hiệu GUCCI, MILANO... nhưng không được xử lý, nhiều nhất là phối hợp điều tra vụ việc xâm phạm bản quyền phần mềm máy tính. Việc thống kê số liệu, cập nhật, trao đổi thông tin giữa các cơ quan còn thiếu sót, chậm dẫn đến các cơ quan bị động, gặp khó khăn trong công tác thực thi. Việc nhìn nhận, đánh giá về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của các cơ quan chức năng nhiều khi không thống nhất được quan điểm do văn bản pháp luật không thống nhất, chưa có quy định điều chỉnh cụ thể một số vấn đề. Hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao nhận thức cho cộng đồng doanh nghiệp, năng lực cán bộ thực thi còn hạn chế.

Trong quá trình xử lý xâm phạm Tòa án, các cơ quan hành chính cũng cần đến sự trợ giúp xác định hành vi xâm phạm của tổ chức Giám định về sở hữu trí tuệ do cá nhân hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hành nghề luật sư (trừ tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam) có đủ điều kiện thành lập. Tổ chức Giám định là bộ phận hỗ trợ quan trọng trong thực thi bảo vệ

quyền sở hữu trí tuệ, thực hiện dịch vụ chuyên cung cấp ý kiến chuyên gia, chứng cứ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, xác định giá trị quyền sở hữu trí tuệ và giá trị thiệt hại, đây là hoạt động mới ở Việt Nam. Theo quy định Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ, các cơ quan nhà nước, các chủ thể quyền, các bên thứ ba khác có thể yêu cầu trung cầu giám định, kết luận của tổ chức Giám định sẽ được coi là căn cứ để xác định hành vi xâm phạm. Hiện nay, Viện khoa học sở hữu trí tuệ (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) là tổ chức Giám định sở hữu trí tuệ duy nhất ở Việt Nam nhưng chỉ có chức năng giám định quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, tên thương mại. Nếu các chủ thể muốn giám định hành vi cạnh tranh không lành mạnh thì yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ trợ giúp chứ Viện khoa học sở hữu trí tuệ không giám định hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan, mặc dù có Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL hướng dẫn nhưng cho đến nay không có tổ chức nào thực hiện chức năng này. Như vậy, ở Việt Nam chỉ có duy nhất một tổ chức Giám định về sở hữu công nghiệp, không có tổ chức Giám định quyền tác giả, quyền liên quan dẫn đến khó khăn trong xác định các yếu tố liên quan sở hữu trí tuệ: tháng 01 năm 2013 TAND TP. Đà Nẵng giải quyết tranh chấp giữa Công ty Đông Tây và Công ty QGS về bản quyền phần mềm hệ thống website gửi công văn ba lần đến Cục Bản quyền tác giả yêu cầu giám định nhưng Cục Bản quyền tác giả trả lời không có tổ chức giám định quyền tác giả, sau đó Tòa án phải nhờ Sở VHTTDL giới thiệu chuyên gia tin học kết luận.

Quá trình xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ còn gặp vướng mắc giải quyết tranh chấp tên miền liên quan đến nhãn hiệu, tên thương mại. Tên miền không phải là đối tượng sở hữu trí tuệ được bảo hộ do tên miền và sở hữu trí tuệ là hai lĩnh vực độc lập theo thông lệ quốc tế. Việc đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại bị xem là hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến đối tượng sở hữu công nghiệp và bị xử lý hành chính theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ (Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định 99/2013, Thông tư

11/2015/TT-BKHCN). Các cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền từ 5 triệu đến 20 triệu đồng, và hình thức xử phạt bổ sung là buộc thay đổi thông tin tên miền hoặc trả lại tên miền trong trường hợp bên yêu cầu xử lý xâm phạm và bên bị yêu cầu xử lý vi phạm không đạt được thoả thuận (Khoản 2 Điều 27 Nghị định 99/2013) và bên bị yêu cầu xử lý xâm phạm không chấm dứt hành vi đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền vi phạm (Khoản 1 Điều 4 Thông tư 11/2015/TT-BKHCN). Tên miền ".vn" là tài sản quốc gia thuộc quyền quản lý của Trung tâm Internet Việt Nam trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, mẫu thuẫn giữa các bên về đăng ký, sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự nhãn hiệu, tên thương mại được xem là tranh chấp tên miền (Điều 16 Nghị định 72/2013) và xử lý theo bốn hình thức: thương lượng, hòa giải, Tòa án, Trọng tài theo quy định của pháp luật công nghệ thông tin (Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Nghị định 72/2013, Thông tư 24/2015/TT-BTTTT). Cùng một vấn đề do nhiều cơ quan có chức năng xử lý theo thủ tục khác nhau: Thanh tra TTTT, Tòa án nhân dân, Trọng tài thương mại, VNNIC... làm cho các chủ thể quyền lựa chọn biện pháp xử lý khó khăn, các cơ quan xử lý chồng chéo nhau.

2.2.3. Công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử

Công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được thực hiện trên diện rộng, đặc biệt là Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (Chương trình 68) giai đoạn 2011-2015 được thực hiện theo Quyết định 2204/TT-CP. Về giáo dục, Chương trình giáo dục đặc biệt là bậc đại học có các học phần về sở hữu trí tuệ và thương mại điện tử riêng biệt, tuy nhiên chưa có sự gắn kết giữa sở hữu trí tuệ và thương mại điện tử. Các cơ quan chức năng đã tổ chức các đợt tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ thực thi hàng năm (Thanh tra viên, Điều tra viên, Thẩm phán...) nhưng vẫn không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn sâu. Về tuyên truyền, phổ biến thực hiện trên nhiều hình thức: 72 lượt dự án tuyên truyền bảo vệ trên đài phát thanh truyền hình, số hóa 242 bản mô tả sáng chế đã được cấp bằng tại Việt Nam, thử nghiệm công cụ tra cứu

toàn văn bản mô tả sáng chế của Việt Nam Digital lên mạng internet [35, tr. 6]. Các cuộc hội thảo trong nước, liên kết với các tổ chức nước ngoài được quan tâm: Hội thảo “Bảo hộ sở hữu trí tuệ trên môi trường mạng” do Bộ TTTT tổ chức vào ngày 13/5/2015 tại Hà Nội; Hội thảo quốc tế về giải quyết khiếu nại, tranh chấp về tên miền, SHTT do Bộ TTTT tổ chức ngày 15/10/2015, Hội thảo “Quản lý tập thể quyền sao chép trong môi trường số” ngày 25/11/2014... Cho đến nay, có rất ít cuộc hội thảo trao đổi kinh nghiệm, tuyên truyền pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử so với nhu cầu nâng cao nhận thức doanh nghiệp, cơ quan thực thi. Về hoạt động tư vấn, các cơ quan chức năng đều thiết lập website tư vấn trực tuyến, hỗ trợ trực tiếp tại cơ quan cho các tổ chức, cá nhân chủ yếu là đăng ký bảo hộ, còn các biện pháp bảo vệ thì chỉ những doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại mới tìm đến hỗ trợ tư vấn. Hoạt động tư vấn còn riêng lẻ, mỗi cơ quan một cách hướng dẫn tư vấn chưa có sự liên kết, và chỉ tư vấn về thủ tục, tư vấn về giám định hiện nay còn bất cập chỉ có Viện khoa học công nghệ thực hiện.

2.3. Những bất cập trong quy định pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử

Thực tiễn thực thi pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử bộc lộ những bất cập, hạn chế trong các quy định pháp luật. Một là, nhiều khái niệm mang tính trừu tượng được quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ chưa được giải thích, hướng dẫn cụ thể. Khoản 2 Điều 213 quy định “Hàng hóa giả mạo nhãn hiệu là hàng hóa, bao bì của hàng hóa có gắn nhãn hiệu, dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý”, trong hầu hết các điều luật khác của Luật Sở hữu trí tuệ đặc biệt là Điều 129 quy định về hành vi xâm phạm nhãn hiệu sử dụng thuật ngữ “trùng” hoặc “tương tự”, thuật ngữ “khó phân biệt” chưa được giải thích cụ thể, có thể hiểu là “tương tự”.

Hai là, văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ sử dụng thuật ngữ pháp lý không đồng nhất. Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ là “Hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ” trong khi nội dung quy định hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ gồm hàng

hóa giả mạo nhãn hiệu (giả mạo nhãn hiệu và giả mạo chỉ dẫn địa lý) và hàng hóa sao chép lậu, không quy định hàng hóa giả mạo về kiểu dáng công nghiệp. Tại Khoản 1 Điều 126 Luật Sở hữu trí tuệ quy định hành vi xâm phạm kiểu dáng công nghiệp là “sử dụng kiểu dáng công nghiệp không khác biệt với kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ” tương tự như khái niệm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu nhưng không được xem là hàng hóa giả mạo kiểu dáng công nghiệp. Điểm đ Khoản 8 Điều 3 Nghị định 185/2013/NĐ-CP lại sử dụng thuật ngữ “giả mạo tên thương mại”: “Hàng hóa có nhãn hàng hóa, bao bì... giả mạo tên thương mại...”.

Ba là, văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ thiếu đồng bộ. Điều 226 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, nội dung chỉ quy định hành vi xâm phạm nhãn hiệu, còn những hành vi xâm phạm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, tên thương mại, bí mật kinh doanh không quy định, có thể hiểu là hành vi xâm phạm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, tên thương mại, bí mật kinh doanh chỉ bị áp dụng biện pháp hành chính, biện pháp dân sự để xử lý (Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định tại Điều 171). Đồng thời theo quy định Điều 129 Luật Sở hữu trí tuệ thì hành vi xâm phạm nhãn hiệu mang tính chất là xâm phạm về hình thức, vậy Điều 226 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)) là vi phạm nhãn hiệu về mặt hình thức. Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội buôn bán hàng giả (tương ứng là Điều 156 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)) và Khoản 8 Điều 3 Nghị định 185/2013 hàng hóa giả về mặt hình thức và giả về mặt nội dung gồm hàng hóa giả nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp..., nếu áp dụng thì sẽ xử lý rất nhiều hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp nhưng không đến mức áp dụng biện pháp hình sự. Nếu xem quy định Điều 192 là tội buôn bán hàng giả về mặt nội dung, còn giả về mặt hình thức thì áp dụng Điều 226. Nếu xem quy định Điều 192 cũng là giả về mặt hình thức thì không đồng nhất với Điều 226 vì Điều 226 chỉ quy định xâm phạm nhãn hiệu chứ không quy định xâm phạm kiểu dáng công nghiệp. Hiện nay chưa có văn bản pháp lý quy định hay được cơ quan có thẩm quyền giải thích nên áp dụng khác nhau trên thực tiễn.

Hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu công nghiệp quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 130 Luật Sở hữu trí tuệ là hành vi đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng, sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, và hành vi cạnh tranh không lành mạnh này bị xử lý hành chính theo pháp luật cạnh tranh (Khoản 3 Điều 211 Luật Sở hữu trí tuệ). Điều 39 Luật Cạnh tranh năm 2004 thì quy định hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu công nghiệp gồm hành vi “chỉ dẫn gây nhầm lẫn” và “xâm phạm bí mật kinh doanh”, chứ không quy định hành vi sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự tên thương mại, nhãn hiệu được bảo hộ. Tại Khoản 10 Điều 39 Luật Cạnh tranh năm 2004 quy định mở đối với các hành vi cạnh tranh theo tiêu chí xác định “Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng” (Khoản 4 Điều 3 Luật Cạnh tranh năm 2004) do Chính phủ quy định. Như vậy không có quy định trực tiếp đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh về tên miền.

Hành vi đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng, sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự nhãn hiệu, tên thương mại theo quy định Điều 6 Nghị định 72/2013/NĐ-CP và Luật Công nghệ thông tin năm 2006 được xem là tranh chấp tên miền và giải quyết theo phương thức thương lượng, hòa giải, Tòa án hoặc Trọng tài, trong khi theo quy định tại Điều 130 và Điều 221 Luật Sở hữu trí tuệ bị xem là hành vi cạnh tranh không lành mạnh và xử lý bằng biện pháp hành chính.

Bốn là, nhiều quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ chưa được hướng dẫn chi tiết trong văn bản dưới luật, thiếu văn bản hướng dẫn thi hành, chẳng hạn: khi Nghị định 100/2006 hết hiệu lực thì hiện nay chưa có Nghị định, Thông tư hướng dẫn chi tiết Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan. Nghị định 85/2011 sửa đổi, bổ sung Nghị định 100/2006 vẫn còn hiệu lực, trong khi Nghị định 100/2006 hết hiệu lực.

Năm là, các quy định xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử nằm rải rác, tản mạn trong các văn bản quy phạm pháp luật. Chẳng hạn biện pháp dân sự xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được quy định tại Điều 202 Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định 105/2006/NĐ-CP và Nghị định 119/2010/NĐ-CP, trong quá trình giải quyết vụ án xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử thì Tòa án dựa vào Thông tư liên tịch 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP Mục IV, Phần B. Biện pháp hành chính thì được quy định trong Nghị định 131/2013/NĐ-CP, Nghị định 99/2013/NĐ-CP. Còn biện pháp hình sự được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015, trước đó thì áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), trong xét xử Tòa án sử dụng Thông tư liên tịch 01/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP.

Sáu là, một số quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ chưa phù hợp với tình hình thực tế. Luật Sở hữu trí tuệ chỉ quy định xử lý hình sự đối với cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 212), phù hợp với quy định Bộ luật Hình sự năm 2009 (sửa đổi bổ sung Bộ luật Hình sự năm 1999), tuy nhiên Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định trách nhiệm hình sự đối với cá nhân và pháp nhân thương mại (Điều 225, 226, 192).

Kết luận Chương 2

Tình hình xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ngày càng tăng lên về số lượng và đa dạng về loại hình, xảy ra nhiều nhất đối với xâm phạm quyền tác giả. Để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, chủ thể quyền, các cá nhân, tổ chức liên quan có thể tự bảo vệ mình bằng biện pháp yêu cầu cơ quan nhà nước công nhận quyền sở hữu, áp dụng biện pháp công nghệ, yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết, trong đó biện pháp áp dụng công nghệ phổ biến nhất. Khi hành vi xâm phạm xảy ra có thể sử dụng phương thức xử lý bằng biện pháp hành chính, hình sự, dân sự. Hiện nay ở Việt Nam, biện pháp hành chính được áp dụng nhiều nhất, biện pháp hình sự và biện pháp dân sự chỉ chiếm 2% tổng số vụ việc giải quyết bằng biện pháp hành chính.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC THI BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Nhu cầu tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay

Ở góc độ vĩ mô, Việt Nam đang tiến hành nội luật hóa và hoàn thiện khung pháp lý đảm bảo tiêu chuẩn đã cam kết khi tham gia các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ, đặc biệt là Hiệp định TRIPS. Một trong hai vấn đề sở hữu trí tuệ cơ bản trong các quy định chung là thực thi quyền sở hữu trí tuệ hiệu quả, trong đó bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là chìa khóa phát triển kinh tế an toàn, lâu dài, bền vững: Hiệp định TRIPS quy định các thành viên có nghĩa vụ bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ và quy định trong luật của mình cho phép việc khiếu kiện hữu hiệu chống lại bất kỳ hành vi xâm phạm nào đối với quyền sở hữu trí tuệ được đề cập đến trong Hiệp định, quy định các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự; Hiệp định TPP quy định các nước thành viên phải có quy chế giám sát nhà cung cấp dịch vụ Internet nhằm ngăn chặn những nội dung vi phạm truyền qua mạng, yêu cầu các nước cung cấp công cụ hợp pháp để ngăn ngừa việc sử dụng sai các bí mật thương mại, và xây dựng các quy trình thủ tục và xử phạt hình sự đối với tội phạm trộm cắp bí mật thương mại, cả trộm cắp qua mạng (Chương XVIII Quyền sở hữu trí tuệ). Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi cần phải tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và trong lĩnh vực thương mại điện tử nói riêng.

Tình hình xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ngày càng phức tạp cùng với thực tiễn thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thương mại điện tử về nên bức tranh toàn cảnh về những vấn đề khó khăn, vướng mắc tồn tại: nhận thức của toàn xã hội về tầm quan trọng của bảo vệ sở hữu trí tuệ, ý thức tôn trọng

pháp luật chưa cao; năng lực cán bộ thực thi còn thấp; chông chéo chức năng giải quyết, kết cấu hệ thống các cơ quan thực thi chưa phù hợp; công tác tuyên truyền, đào tạo, phổ biến pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ chưa đáp ứng nhu cầu; các quy định pháp luật thiếu tính đồng bộ, minh bạch... Nền kinh tế kỹ thuật số phát triển mạnh mẽ càng phát sinh những bất cập, mức độ xâm phạm cao hơn, nhiều hơn so với kinh doanh truyền thống, khả năng thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử của Việt Nam không cao tạo nên trở ngại lớn đối với thu hút đầu tư từ nước ngoài, điểm yếu này cần được khắc phục. Tài sản trí tuệ trong thương mại điện tử là sản phẩm sáng tạo của con người, chủ thể quyền luôn muốn bảo vệ chính những thành quả của mình. Các tổ chức, cá nhân liên quan cũng hướng đến ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm phạm. Xuất phát từ nhu cầu của các chủ thể, việc tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ sẽ giúp thúc đẩy động lực sáng tạo, tránh cạnh tranh không lành mạnh, phát triển khoa học công nghệ.

Đánh giá tầm quan trọng của tài sản trí tuệ, việc thiết lập chính sách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được Đảng và Nhà nước chú trọng: Nhiệm vụ “Kiện toàn cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ” được nêu trong Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu BCHTW khóa IX; “Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của trí thức” trong Báo cáo chính trị của BCHTW khóa XI tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Chỉ thị 36/2008/CT-TTg ngày 31/12/2008 và Chỉ thị 845/2011/CT-TTg ngày 02/6/2011 tăng cường công tác thực thi quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp... Việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực thực thi của các chủ thể nhằm tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử là vấn đề cấp thiết.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử

Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam hiện nay tương đối phù hợp với quy định thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam

là thành viên: Hiệp định TRIPS, Hiệp định TPP, Hiệp định EVFTA... Một số vấn đề mới mà Việt Nam chưa quy định, những điểm chưa phù hợp, do đó không chỉ hoàn thiện pháp luật thủ tục mà pháp luật nội dung cũng cần được sửa đổi, bổ sung. Ngày 26 tháng 03 năm 2013 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 46/NQ-CP về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XI, dự án sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ được lên kế hoạch thực hiện từ năm 2015 đến 2017. Ngày 8 tháng 03 năm 2016 Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh Quản lý thị trường, văn bản pháp luật đầu tiên công nhận trách nhiệm quyền hạn của ngành quản lý thị trường sau 59 năm hoạt động. Quốc hội đã ban hành Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015...

Để xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, chủ thể quyền lựa chọn giải quyết giữa hai bên, khiếu nại đến Cục Bản quyền tác giả, Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH-CN, Bộ VHTTDL, nếu không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của các cơ quan này thì yêu cầu cơ quan Thanh tra, cơ quan Công an, Quản lý thị trường xử lý vi phạm hành chính, hoặc khởi kiện đến Tòa án giải quyết vụ án dân sự, vụ án hành chính, vụ án hình sự với hai cấp xét xử hoặc khởi kiện ra Trọng tài thương mại giải quyết. Nhiều cơ quan khác nhau có cùng thẩm quyền xử lý, quy định mở này làm kéo dài thời gian giải quyết, nhiều đối tượng lợi dụng thời gian tranh chấp để sử dụng tài sản trí tuệ bất hợp pháp. Do đó, cần xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thống nhất hướng dẫn chi tiết cơ quan đầu mối thụ lý đơn yêu cầu xử lý, phân cấp cho các cơ quan chức năng khác nhau để không mất thời gian phân loại vụ việc, mức độ xâm phạm, thẩm quyền xử lý, chuyển vụ việc sang các đơn vị chuyên trách.

Ban hành văn bản dưới luật hướng dẫn chi tiết Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan là cần thiết, ngoài Nghị định 85/2011 sửa đổi, bổ sung Nghị định 100/2006 (Nghị định 100/2006 hết hiệu lực) thì hiện nay chưa có Nghị định, Thông tư hướng dẫn chi tiết về quyền tác giả, quyền liên quan, đồng thời trên thực tế phát sinh nhiều loại đối tượng quyền tác giả mới, đặc biệt trong thương mại điện tử.

Về nguyên tắc chỉ xử lý xâm phạm đối với những đối tượng quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được bảo hộ. Nhờ công nghệ thông tin, đối tượng sở hữu trí tuệ số hóa xuất hiện nhiều hình thức mới chưa được quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ: nhãn hiệu có âm thanh, quy trình sử dụng mới đối với sản phẩm đã biết (sáng chế), giao diện dùng đồ họa, bố trí màn hình, thuật toán, biểu đồ dữ liệu ẩn... Luật Sở hữu trí tuệ cần quy định mở rộng phạm vi bảo hộ đối với tài sản trí tuệ số hóa được thể hiện trên các phương tiện điện tử nâng cao khả năng thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử.

Các cơ quan có chức năng xử lý xâm phạm hiểu không thống nhất về cùng một thuật ngữ dẫn đến cách giải quyết khác nhau. Văn bản dưới luật được ban hành phải giải thích cụ thể một số thuật ngữ tạo cơ sở thực thi chính xác, tăng tính phối hợp giữa cơ quan chức năng, hạn chế tình huống phải trưng cầu giám định, như cần có văn bản giải thích thế nào là “dấu hiệu khó phân biệt với nhãn hiệu đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng đó”, khái niệm trừu tượng cần có cách xác định cụ thể tỷ lệ phần trăm giống với nhãn hiệu được bảo hộ về âm thanh, màu sắc, ký tự...

Bên cạnh đó, các văn bản pháp luật sở hữu trí tuệ nên sử dụng đồng nhất thuật ngữ pháp lý. Bộ luật Hình sự và Nghị định 185/2013/NĐ-CP sử dụng thuật ngữ “hàng giả”, trong đó giải thích hàng giả bao gồm hàng hóa có nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa giả mạo tên thương mại, và hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ. Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ quy định hàng hóa giả mạo sở hữu trí tuệ chỉ bao gồm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, hàng hóa giả mạo chỉ dẫn địa lý và hàng hóa chép lậu, để tránh sự nhầm lẫn trong cách hiểu hàng hóa giả mạo sở hữu trí tuệ là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, giả mạo tên thương mại... thì tên Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ nên sửa thành “hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và hàng hóa sao chép lậu”, Điểm g Khoản 8 Điều 3 Nghị định 185/2013 cũng sửa lại tương tự.

Giữa các quy định Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản luật liên quan phải đồng bộ. Một số điều luật giữa Luật Sở hữu trí tuệ và Bộ luật Hình sự cần có hướng dẫn đảm bảo hiệu quả công tác xét xử vụ án hình sự, Điều 129 Luật Sở hữu trí tuệ hành vi xâm phạm nhãn hiệu mang tính chất là xâm phạm về hình thức, thì Điều 226 Bộ

luật Hình sự năm 2015 quy định trách nhiệm hình sự đối với chủ thể có hành vi xâm phạm nhãn hiệu trong thương mại điện tử cũng là giả mạo về hình thức, hành vi buôn bán hàng giả mạo sở hữu trí tuệ tức là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và hàng hóa sao chép lậu tại Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điểm g Khoản 8 Điều 3 Nghị định 185/2013 nên được xem là giả mạo về nội dung hoặc vừa giả mạo nội dung, vừa giả mạo hình thức.

Luật Sở hữu trí tuệ quy định hành vi đăng ký, chiếm quyền sử dụng, sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu, tên thương mại là hành vi cạnh tranh không lành mạnh và bị xử lý hành chính theo pháp luật cạnh tranh (Điểm d Khoản 1 Điều 130), trong khi Luật Cạnh tranh lại không quy định trực tiếp hành vi này tại Điều 39, nếu áp dụng Điều 130 Luật Sở hữu trí tuệ thì chỉ có thể dựa trên lý giải gián tiếp hành vi đăng ký, chiếm quyền sử dụng, sử dụng tên miền là hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu công nghiệp do thỏa mãn tính chất “hành vi cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng” (Khoản 4 Điều 3 Luật Cạnh tranh năm 2004). Do đó, Điều 39 Luật Cạnh tranh nên bổ sung điểm này “Đăng ký, chiếm quyền sử dụng, sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự với gây nhầm lẫn nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại”.

So với Điều 9 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 11 Bộ luật Dân sự năm 2015 được ban hành có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 thì quyền tự bảo vệ tại Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ thiếu một biện pháp “yêu cầu cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ”. Luật Sở hữu trí tuệ cần bổ sung biện pháp này vào Điều 198 để đảm bảo tăng cường thực thi quyền tự bảo vệ của các chủ thể hoặc trong văn bản dưới luật hướng dẫn thực hiện chức năng của các cơ quan nhà nước phải nêu rõ mối liên hệ giữa luật chung và luật riêng.

Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử không chỉ do cá nhân thực hiện mà còn có thể do tổ chức thực hiện, chẳng hạn doanh nghiệp sử dụng phần mềm máy tính không được sự cho phép của tác giả, tổ chức hay cá nhân đều có địa vị pháp lý như nhau, cá nhân hay tổ chức thực hiện hành vi xâm phạm có đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì bị xử lý trách nhiệm hình sự. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại ở Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan Điều 225, Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp Điều 226, theo đó Điều 212 Luật Sở hữu trí tuệ nên sửa đổi nội dung thành “Cá nhân, pháp nhân thương mại thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự” loại bỏ yếu tố không phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính đồng bộ.

Xử lý xâm phạm sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính hiện nay được các chủ thể lựa chọn do thủ tục đơn giản, kịp thời, tuy vậy, rất nhiều trường hợp không ngăn chặn được hành vi xâm phạm do mức xử phạt hành chính như hiện nay không tương ứng với lợi nhuận mà chủ thể có hành vi xâm phạm thu được. Mặc dù đã có văn bản hướng dẫn mức xử phạt đối với cá nhân, tổ chức (Nghị định 99/2013/NĐ-CP, Nghị định 131/2013/NĐ-CP), theo đó thì mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân là 250 triệu đồng, đối với tổ chức là 500 triệu đồng, nhưng mức phạt tiền này quá nhẹ, mà nên tính mức phạt tiền tối đa tương ứng theo tỷ lệ mức độ vi phạm.

Thực tiễn các cơ quan chức năng rất ít khi áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo đối với xâm phạm sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, bởi vì lợi nhuận đối với bên xâm phạm đặt lên hàng đầu, và hành vi xâm phạm do lỗi cố ý nên xử phạt cảnh cáo không thể có tác dụng ngăn chặn được hành vi xâm phạm hay đánh động đến tâm lý bên vi phạm. Trong Luật Sở hữu trí tuệ và văn bản hướng dẫn thi hành nên bỏ quy định áp dụng xử phạt cảnh cáo đối với xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nói chung và trong thương mại điện tử nói riêng.

Thực tiễn xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử cho thấy 98% số lượng vụ xâm phạm được giải quyết bằng biện pháp hành chính, khác

biệt với các quốc gia trên thế giới (Anh, Mỹ, Nhật...) biện pháp dân sự được đánh giá cao. Biện pháp hành chính góp phần lớn vào giải quyết tình trạng xâm phạm, tuy nhiên các quy định pháp luật sở hữu trí tuệ nên sửa đổi theo hướng tăng cường thực thi biện pháp dân sự đảm bảo quyền lợi của chủ thể quyền vì quyền sở hữu trí tuệ là quyền dân sự, khi bị xâm phạm cần được giải quyết bằng biện pháp dân sự. Việt Nam gia nhập Hiệp định TPP, Hiệp định EVFTA thì biện pháp dân sự, biện pháp hình sự được áp dụng nhiều hơn. Giải quyết vụ án về sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử tại Tòa án có tính răn đe cao hơn biện pháp hành chính và khôi phục lợi ích của chủ thể quyền thông qua biện pháp buộc chấm dứt hành vi, bồi thường thiệt hại, áp dụng hình phạt, để ngăn chặn hiệu quả hành vi xâm phạm mà biện pháp hành chính không giải quyết được. Thời gian xử lý một vụ án dân sự tính từ khi thụ lý đến khi đưa ra xét xử tại Tòa án khoảng 4 tháng, những vụ án phức tạp thì Chánh án quyết định gia hạn 2 tháng, thời gian giải quyết khoảng 6 đến 18 tháng, những vụ việc phải tạm đình chỉ để trưng cầu giám định thì thời gian kéo dài hơn, nên quy định thời gian tối đa giải quyết vụ án về sở hữu trí tuệ là 6 tháng đáp ứng nhu cầu của các chủ thể.

Đồng thời để giảm bớt thời gian giải quyết vụ án dân sự về sở hữu trí tuệ cần quy định trách nhiệm phối hợp của các cơ quan chức năng, cụ thể trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thể gửi văn bản lấy ý kiến hoặc yêu cầu lập hội đồng giám định, giới thiệu tổ chức giám định, giám định viên đến Cục Sở hữu trí tuệ, Cục Bản quyền tác giả, Sở VH TTDL, Sở KH CN, các cơ quan này có nghĩa vụ thực hiện theo yêu cầu của Tòa án trong thời gian nhất định theo từng vụ việc từ 3 ngày đến 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu. Văn bản pháp luật quy định rõ Tòa án có trách nhiệm thông báo vụ việc đến các cơ quan có liên quan để tham gia tố tụng, hỗ trợ trong quá trình xét xử, theo dõi kết quả xét xử, nếu có dấu hiệu vi phạm hình sự thì cơ quan điều tra nhận hồ sơ và chuyển vụ việc giải quyết.

Trong trường hợp do tình thế khẩn cấp, cần phải bảo vệ ngay chứng cứ, ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra thì chủ thể có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đồng thời với việc

nộp đơn khởi kiện (Khoản 2 Điều 111 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015), sau khi nhận được đơn yêu cầu cùng với đơn khởi kiện và chứng cứ kèm theo, Chánh án Tòa án phân công ngay một Thẩm phán thụ lý giải quyết đơn yêu cầu, trong thời hạn 48 giờ, kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu, Thẩm phán phải xem xét và ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (Khoản 3 Điều 133). Trong vụ án sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử thì cần phải ngăn chặn càng nhanh càng tốt vì tốc độ lưu truyền, phát tán thông qua mạng internet, viễn thông cao, thời gian 48 giờ để ra quyết định áp dụng đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời là quá dài. Riêng về sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử thì thời hạn ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chỉ nên quy định trong vòng 24 giờ kể từ ngày nhận được yêu cầu vì người yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nghĩa vụ nộp khoản bảo đảm theo Khoản 2 Điều 208 Luật Sở hữu trí tuệ.

Về mức bồi thường thiệt hại, trách nhiệm dân sự phải có tính chất răn đe, Tòa án cần căn cứ giá trị thực tế của tài sản trí tuệ, cách tính của chủ thể quyền, bên xâm phạm. Theo quy định hiện hành, Tòa án quyết định áp dụng từ 5 triệu đồng đến 500 triệu đồng nếu không tính được mức thiệt hại vật chất dựa trên tính chất của hành vi xâm phạm, hậu quả, mức độ thiệt hại, thời gian và phạm vi xảy ra hành vi xâm phạm, nếu vụ tranh chấp có nhiều đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm, thì mức bồi thường thiệt hại chung cho tất cả các đối tượng đó cũng không được vượt quá mức 500 triệu đồng (Thông tư 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP). Đối với tài sản trí tuệ trong thương mại điện tử có thể mang lại giá trị cao hơn 500 triệu đồng, nên cần sửa quy định tổng mức bồi thường thiệt hại đối với nhiều đối tượng xác định căn cứ vào mức độ thiệt hại gây ra của hành vi đối tượng hành vi và mức tối đa áp dụng không quá 2 tỷ đồng.

Chủ thể có quyền yêu cầu cơ quan hành chính xử lý nhưng nhiều trường hợp các bên thương lượng, hòa giải thành công thì biện pháp hành chính là không cần thiết, cần đảm bảo bản chất dân sự của vụ việc. Luật Sở hữu trí tuệ nên quy định quyền lựa chọn thương lượng, hòa giải của các bên.

Xử lý hành vi đăng ký, chiếm quyền sử dụng, sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự nhãn hiệu, tên thương mại được quy định khác nhau trong các văn bản pháp luật. Hành vi đăng ký, sử dụng tên miền liên quan nhãn hiệu, tên thương mại bị xem là hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị xử lý hành chính theo Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định 99/2013, Thông tư 11/2015/TT-BKHCN, và xem là tranh chấp về tên miền xử lý theo hình thức thương lượng, hòa giải, Tòa án hoặc Trọng tài theo Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Nghị định 72/2013/NĐ-CP, Thông tư 24/2015/TT-BTTTT. Yếu tố cạnh tranh không lành mạnh được xác định theo Điều 3 Luật Cạnh Tranh, nghĩa là hành vi cạnh tranh trái chuẩn mực đạo đức kinh doanh gây thiệt hại, và được xác định cụ thể tại 19 Thông tư 11/2015/TT-BKHCN (Sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” có dãy ký tự trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ hoặc được sử dụng rộng rãi để quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, chào hàng, bán hàng hóa, dịch vụ trùng, tương tự hoặc có liên quan trên trang thông tin điện tử mà địa chỉ tên miền đó dẫn tới; gây nhầm lẫn và lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng hoặc vật chất đối với chủ sở hữu nhãn hiệu, tên thương mại hoặc chỉ dẫn địa lý đó; Hoặc đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” có dãy ký tự trùng với nhãn hiệu, tên thương mại hoặc chỉ dẫn địa lý có uy tín, danh tiếng tại Việt Nam và có căn cứ chứng minh tổ chức, cá nhân chỉ đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng tên miền nhằm bán lại để kiếm lời hoặc cản trở chủ sở hữu nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ đó đăng ký tên miền), nếu thỏa mãn các điều kiện này thì bị xử lý hành chính đối với hành vi sử dụng, đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng tên miền quốc gia “.vn”. Buộc thay đổi, trả lại tên miền, thu hồi tên miền là biện pháp khắc phục hậu quả khi áp dụng xử phạt hành chính, tuy vậy, chỉ có thể thu hồi được tên miền quốc gia mà không thu hồi được tên miền quốc tế. Vấn đề tranh chấp tên miền đa ngành, không phải là vấn đề một quốc gia mà phải theo thông lệ quốc tế, cần thiết ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết xung đột tên miền quốc gia liên quan sở hữu công nghiệp giải quyết bằng thủ tục hành chính, khuyến khích các bên giải quyết tranh chấp theo hình thức: thương lượng, hòa giải, Tòa án,

Trọng tài do các bên lựa chọn, đối với tranh chấp tên miền quốc gia (không có yếu tố cạnh tranh), tên miền quốc tế liên quan sở hữu công nghiệp thì giải quyết theo phương pháp: thương lượng, hòa giải, Tòa án, Trọng tài.

3.2.2. Nâng cao năng lực thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay

Bên cạnh việc hoàn thiện pháp luật thì quá trình áp dụng pháp luật vào thực tiễn bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử bởi ba nhóm chủ thể: cơ quan thực thi, chủ thể quyền, cộng đồng xã hội cũng rất quan trọng. Tùy từng nhóm chủ thể sẽ có các giải pháp nâng cao năng lực thực thi đặc thù.

Thứ nhất, từ góc độ quản lý nhà nước, các cơ quan thực thi cần phát huy vai trò bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử.

Số lượng vụ án về sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử được giải quyết tại Tòa án hiện nay chỉ chiếm 2% so với số lượng vụ việc giải quyết tại cơ quan hành chính, do trình tự thủ tục rườm rà, trình độ chuyên môn về sở hữu trí tuệ của đội ngũ cán bộ tư pháp hạn chế, tính chất vụ việc phức tạp đa lĩnh vực trong khi các vụ án về sở hữu trí tuệ gộp chung giải quyết với các vụ việc khác. Để tăng tính khả thi xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử bằng biện pháp dân sự, hình sự cần thành lập Tòa chuyên trách sở hữu trí tuệ. TAND cấp Tỉnh được thành lập Tòa chuyên trách: Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa kinh tế, Tòa hành chính, Tòa lao động, Tòa gia đình và người chưa thành niên, TAND cấp Huyện được thành lập Tòa hình sự, Tòa hành chính, Tòa dân sự, Tòa gia đình và người chưa thành niên theo Thông tư 01/2016/TT-CA, Tòa chuyên trách sở hữu trí tuệ Việt Nam nên được thành lập độc lập với các Tòa chuyên trách nêu trên, theo mô hình một số quốc gia trên thế giới: Tòa sở hữu trí tuệ và thương mại quốc tế Thái Lan được đánh giá hiệu quả, một trong các Tòa thành lập sớm trong khu vực Châu Á từ năm 1997; Tòa chuyên trách về sở hữu trí tuệ Malaysia gồm 15 Tòa xét xử vụ án hình sự, 6 Tòa xét xử vụ án dân sự và phúc thẩm từ năm 2007; Tòa sở hữu trí tuệ Nhật Bản thiết lập năm 2005 được tổ chức ở cấp Tỉnh; Anh thành lập Tòa sáng chế thuộc Tòa tối cao và Tòa dân sự sáng chế ở địa phương.

Việc thành lập Tòa chuyên trách sở hữu trí tuệ phải phù hợp với quy mô xét xử thực tại, số lượng vụ án sẽ phát sinh trong thời gian tới, số lượng Thẩm phán ở các Tòa. Tập trung thẩm quyền xét xử vào Tòa chuyên trách sở hữu trí tuệ đặt tại ba thành phố lớn: Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, có thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự, hành chính, hình sự sở hữu trí tuệ và mở rộng ở lĩnh vực thương mại điện tử, công nghệ cao: quảng cáo, tiếp thị, môi giới trực tuyến, tên miền quốc gia, tên miền quốc tế... Ở các khu vực khác có số lượng vụ án sở hữu trí tuệ không nhiều thì chỉ đào tạo, bồi dưỡng nguồn Thẩm phán, Thư kí Tòa và bố trí Thẩm phán chuyên trách sở hữu trí tuệ. Chánh án TANDTC có thẩm quyền tổ chức Tòa chuyên trách sở hữu trí tuệ tại các thành phố lớn, ở các địa phương khác, Chánh án TAND các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung Ương tùy điều kiện và tình hình xây dựng đề án thành lập Tòa chuyên trách sở hữu trí tuệ và đề nghị Chánh án TANDTC ra quyết định thành lập. Cơ cấu tổ chức Tòa chuyên trách sở hữu trí tuệ TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng gồm ít nhất 5 Thẩm phán, trong đó có 2 Thẩm phán chuyên trách và 3 Thẩm phán nghiệp vụ, 3 Thư ký Tòa, Hội đồng xét xử có ít nhất 4 thành viên: 1 Thẩm phán chuyên trách, 2 Thẩm phán nghiệp vụ, 1 Thư ký. Số lượng Thẩm phán, Thư ký chuyên trách tại TAND cấp Tỉnh, cấp Huyện ở các địa phương khác thì tùy số lượng biên chế Thẩm phán, Thư ký mà bổ nhiệm, ít nhất là 1 Thẩm phán, 1 Thư ký.

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định thẩm quyền chung của Tòa án, thẩm quyền và cách thức thành lập Tòa chuyên trách căn cứ Thông tư 01/2016. Theo đó, Chánh án TANDTC có thẩm quyền quy định nhiệm vụ cụ thể của Tòa chuyên trách sở hữu trí tuệ. Như vậy cùng với việc thiết lập Tòa chuyên trách sở hữu trí tuệ cần sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, các văn bản luật liên quan về cơ cấu tổ chức, thẩm quyền chung của Tòa, và ban hành văn bản dưới luật quy định thẩm quyền, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức cụ thể của Tòa chuyên trách sở hữu trí tuệ. Ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc xét xử chung thì đối với vụ án sở hữu trí tuệ cần có những nguyên tắc đặc riêng, trình tự thủ tục linh hoạt, đáp ứng nhu cầu giải quyết nhanh chóng, xử lý kịp thời chẳng hạn: Xét xử tập

thể và bí mật; Thời gian xét xử tối đa 4 tháng, những vụ việc phức tạp, có yếu tố nước ngoài là 6 tháng; Thẩm vấn đương sự thông qua ứng dụng điện tử trực tuyến; Thẩm phán ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngay khi các chủ thể yêu cầu, hoặc trường hợp cần thiết Thẩm phán tự ra quyết định bất cứ khi nào kể cả khi chưa thụ lý vụ án, ngày lễ tết; Nghĩa vụ đảm bảo thực hiện biện pháp khẩn cấp tạm thời của các chủ thể nâng cao hơn mức hiện nay và thực hiện ngay sau khi Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; Không được tạm đình chỉ vụ án; Nghĩa vụ tham gia tố tụng của các cơ quan chức năng, cá nhân, tổ chức chuyên môn sở hữu trí tuệ; Thu thập chứng cứ điện tử.

Tòa án chỉ xử lý vụ án sở hữu trí tuệ khi có yêu cầu của đương sự hoặc Viện kiểm soát truy tố, thực tế có rất nhiều vụ xâm phạm mà chủ thể không yêu cầu xử lý hoặc cơ quan điều tra chưa phát hiện, hoạt động quản lý nhà nước của cơ quan hành chính cũng cần được tăng cường nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời hành vi xâm phạm. Sắp xếp lại các khâu giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra, kiểm tra, kiểm soát, phân bổ nhiệm vụ cụ thể giữa các cơ quan cùng có chức năng xử lý hành chính tránh sự chồng chéo, theo hướng quy định và thiết lập cơ quan đầu mối nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiểm tra là Thanh tra chuyên ngành. Tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm quy định hình thức xử phạt và phân cấp quyền hạn cho từng cơ quan, cơ quan Thanh tra, Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các cấp có quyền xử phạt hành chính, còn cơ quan Công an có thẩm quyền điều tra. Nếu vụ việc thuộc thẩm quyền của Thanh tra chuyên ngành thì trực tiếp xử lý, chuyển hồ sơ cho Thanh tra hành chính, cơ quan Công an, Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các cấp nếu không thuộc thẩm quyền của Thanh tra chuyên ngành, những vụ việc có tính phức tạp, liên ngành thì thành lập Đoàn thanh tra liên ngành cùng thực hiện.

Cơ quan đầu mối giải quyết khiếu nại về đăng ký sở hữu trí tuệ, xác định hành vi xâm phạm giao cho Cục Bản quyền tác giả, Cục Sở hữu trí tuệ. Ở địa phương không có văn phòng đại diện Cục Bản quyền tác giả, Cục Sở hữu trí tuệ thì các chủ thể nộp đơn khiếu nại và nhận kết quả khiếu nại tại Sở KH-CN, Sở VHTTDL, các Sở có trách nhiệm phối hợp với cơ quan đầu mối để giải quyết vụ việc.

Trong quá trình xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử cần có sự phối hợp cao giữa Tòa án, các cơ quan chức năng. Như giải pháp đã nêu trên, các cơ quan chức năng (cơ quan Thanh tra, cơ quan Công an, Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các cấp, Cục Bản quyền tác giả, Cục Sở hữu trí tuệ) có trách nhiệm tham gia tố tụng dân sự theo yêu cầu của Tòa án, có nghĩa vụ tham gia tố tụng hình sự, hành chính để theo dõi, chuyển hồ sơ, trợ giúp kịp thời cho Tòa án về chuyên môn, kết quả điều tra, kiểm tra, lập số liệu thống kê, xử lý liên quan. Giữa các cơ quan hành chính cũng phải phối hợp cùng nhau và với cơ quan đăng ký bảo hộ để nhanh chóng xác định yếu tố xâm phạm, rút ngắn thời gian xử lý, Cục Bản quyền tác giả, Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm trả lời công văn hoặc cử người tham gia Đoàn thanh tra.

Một thiếu sót nữa trong vấn đề phối hợp là thống kê số liệu, cập nhật, trao đổi thông tin giữa các cơ quan. Mỗi cơ quan đều có số liệu thống kê nhưng chỉ mang tính chất biểu trưng, tổng quát, chưa có sự liên kết giữa các thông tin. Chương trình hành động 168 về hợp tác phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã được triển khai, cần thiết lập bộ phận tổng hợp số liệu thống kê chung về xử lý đơn đăng ký, xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, số liệu cụ thể và kết quả xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ từng mảng cụ thể theo quý, năm, giai đoạn, đồng thời công khai minh bạch thông tin, từ đó có thể đánh giá chính xác tình hình xử lý xâm phạm, đưa ra định hướng thay đổi đúng đắn. Các cơ quan chức năng phải thường xuyên trao đổi thông tin, mở các lớp tập huấn công tác chuyên môn, hướng dẫn phối hợp, trao đổi tài liệu pháp lý liên quan.

Bên cạnh việc xây dựng mô hình Tòa chuyên trách sở hữu trí tuệ, cơ quan đầu mối xử lý, bố trí nhân lực còn phải không ngừng nâng cao trình độ của cán bộ thực thi. Xây dựng chương trình đào tạo cán bộ chuyên sâu về sở hữu trí tuệ, thường xuyên mở khóa đào tạo ngắn hạn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, các lớp tập huấn theo chuyên đề như sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, xâm phạm sở hữu trí tuệ bằng công nghệ cao... Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng kết hợp với tổ chức các buổi hội thảo trong nước và quốc tế, trao đổi kinh nghiệm về sở hữu trí

tuệ, hợp tác với các tổ chức, cá nhân liên quan cử cán bộ đào tạo ở nước ngoài, học tập mô hình các nước. Tòa án và các cơ quan chức năng khác đẩy mạnh triển khai nhân rộng chương trình tuyển chọn, huấn luyện đội ngũ sở hữu trí tuệ nòng cốt. Ngoài ra Tòa án và các cơ quan chức năng cũng phải thực hiện tổng kết công tác thực thi, đánh giá khó khăn, rút kinh nghiệm, đưa ra biện pháp khắc phục. Đối với Tòa án chuyên trách sở hữu trí tuệ cần xây dựng, lựa chọn, áp dụng án lệ về sở hữu trí tuệ, đặc biệt là án lệ về sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử theo các tiêu chí: đạt tính chuẩn mực, thống nhất áp dụng pháp luật, lập luận rõ ràng, phân tích, giải quyết vấn đề kể cả những dạng tài sản trí tuệ mới phát sinh trong thương mại điện tử.

Nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng và thực hiện nghiêm minh pháp luật của cán bộ thực thi. Xây dựng chế độ thi đua, khen thưởng minh bạch, thường xuyên mở các đợt kiểm tra, giám sát báo trước hoặc đột xuất, thực hiện mô hình đánh giá năng lực của cán bộ thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ, khảo sát chất lượng, góp ý, phê bình thẳng thắn.

Mỗi cơ quan thực thi cần thống kê số liệu chính xác, phân loại theo từng vụ việc, từng biện pháp áp dụng và lưu trữ hồ sơ: xét xử bao nhiêu vụ tranh chấp sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, biện pháp bồi thường thiệt hại áp dụng bao nhiêu vụ, mức phạt tiền áp dụng, trường hợp áp dụng biện pháp tạm thời, biện pháp ngăn chặn, số lượng nhân sự tham gia từng vụ... Số liệu, bảng đánh giá, thông tin liên quan phải được cập nhật, công khai trên website trừ những vụ việc sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử phải xét xử bí mật. Các cơ quan chức năng nên lập cơ sở dữ liệu quốc gia lưu trữ dưới dạng thông thường và số hóa dữ liệu trên phương tiện điện tử: băng ghi âm, ghi hình, dữ liệu điện tử, hệ thống thống kê tự động... tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phối hợp, khắc phục yếu điểm thực thi chủ quan. Những tài liệu mật, chuyên môn cao thì cấp mã số truy cập cho đơn vị, cá nhân liên quan.

Hầu hết các các cơ quan chức năng đều có hệ thống website và các cơ quan trong chương trình 168 đã có website chung để phục vụ công tác, nếu đánh giá khách quan các website chưa đạt hiệu quả thực thi cao, chỉ dừng lại ở mức cơ sở nền về thông tin. Điều dễ dàng nhận thấy là chưa có hệ thống thống kê số liệu cụ

thể, chưa cập nhật mới hệ thống văn bản pháp luật sở hữu trí tuệ, các đơn vị nên xây dựng công cụ tìm kiếm hữu hiệu, giải đáp thắc mắc, tư vấn trực tuyến, tiếp nhận đơn yêu cầu xử lý thông qua phương tiện điện tử, cung cấp dịch vụ chính phủ điện tử, dịch vụ thống kê và các dịch vụ có thu phí khác. Đối với những chủ thể có hành vi xâm phạm cần có danh mục nêu tên tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo dõi, kiểm tra, trường hợp tái phạm cơ sở mạnh mẽ xử lý tốt hơn.

Thứ hai là nhóm giải pháp nâng cao khả năng thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử từ phía cộng đồng xã hội.

Giải pháp hữu hiệu nhất là cần nâng cao nhận thức của chủ thể quyền và cộng đồng: tác giả, chủ sở hữu tài sản trí tuệ, các doanh nghiệp, các hiệp hội, tổ chức ngành nghề và các cá nhân, tổ chức khác trong xã hội. Sự nghiệp phát triển kinh tế và bảo vệ tài sản trí tuệ hiệu quả xoay quanh vấn đề giáo dục, tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp lý về đăng ký bảo hộ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử.

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tương lai và phổ biến kiến thức cho cộng đồng thông qua việc đưa vào giảng dạy các cấp học nội dung sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ từ tiểu học đến đại học. Hướng dẫn kiến thức về tài sản trí tuệ, hình thành ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với học sinh tiểu học: tôn trọng tác phẩm của người khác, không sao chép thiết kế... và nâng dần kiến thức theo cấp học. Học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông được giới thiệu khái quát hệ thống tài sản trí tuệ, quyền sở hữu trí tuệ, biện pháp bảo vệ. Xây dựng chương trình đào tạo về sở hữu trí tuệ cho các trường đại học khối chuyên ngành, lồng ghép giảng dạy trong học phần đại cương cho các trường đại học, cao đẳng khối ngành không chuyên. Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành sở hữu trí tuệ cần mở rộng kiến thức, đưa sinh viên thực tập 6 tháng – 1 năm tại các cơ quan chức năng trong nước, chuyên tu ngắn hạn hoặc dài hạn ở nước ngoài. Giáo trình, tài liệu học tập thiết kế phù hợp với chuyên ngành đào tạo, tổ chức nghiên cứu khoa học sở hữu trí tuệ cho sinh viên, khuyến khích sinh viên xây dựng đề án, mô hình, phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, nghiên cứu các tài sản trí tuệ kỹ thuật số. Tạo điều kiện tra cứu thông

tin, tìm kiếm nguồn tài liệu trong và ngoài nước hỗ trợ học tập cho sinh viên, thực hiện chế độ xét học bổng cho sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu, sáng tạo, học bổng du học tại các nước.

Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kiến thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử cho mọi thành phần (doanh nghiệp, người tiêu dùng, tổ chức ngành nghề...) bằng nhiều kênh phương tiện: báo giấy, báo điện tử, website, mạng xã hội, truyền thanh, truyền hình... đa dạng hình thức: bản tin truyền hình, truyền thanh, phim ngắn, clip, bài viết... Các tư liệu về sở hữu trí tuệ cần được số hóa giới thiệu cho công chúng. Hỗ trợ công tác tuyên truyền cho những địa phương có điều kiện khó khăn, có thể tận dụng cán bộ địa phương đã được cử đi đào tạo truyền đạt kinh nghiệm, tư vấn, giới thiệu đến cá nhân, tổ chức trong vùng. Tuyên truyền, vận động các cá nhân, tổ chức đăng ký bảo hộ, khiếu nại, tố cáo hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Tổ chức các cuộc thi sáng tạo, cuộc thi tìm hiểu kiến thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, các buổi giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, chuyên đề, buổi hội thảo liên kết với các chuyên gia sở hữu trí tuệ, công nghệ trong nước và quốc tế.

Đẩy mạnh công tác tư vấn pháp lý về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử cho cộng đồng. Thực hiện giải đáp tư vấn bằng nhiều hình thức: phỏng vấn, giải đáp thắc mắc trên truyền hình... Các cơ quan chức năng hình thành bộ phận tư vấn trực tuyến, trực tiếp tại cơ quan hoặc gián tiếp thông qua thư điện tử, phản hồi trên website. Khuyến khích đăng ký thành lập và hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý về sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử.

Bên cạnh công tác thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử của các cơ quan nhà nước, cần có sự phối hợp của chủ thể quyền, cộng đồng xã hội. Tăng cường lực lượng thực thi bảo vệ từ phía các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề theo dõi, phát hiện, khiếu nại, tố giác hành vi xâm phạm, đơn vị, cá nhân có hành vi xâm phạm đến cơ quan chức năng. Các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề nên bố trí nhân viên hoặc bộ phận phòng ban chuyên tìm hiểu, tập trung xử lý xâm phạm. Tăng cường vai trò của đội ngũ trợ giúp pháp lý địa phương, các luật sư, tổ

chức đại diện sở hữu trí tuệ, tổ chức giám định sở hữu trí tuệ. Viện khoa học sở hữu trí tuệ là tổ chức giám định sở hữu trí tuệ duy nhất ở Việt Nam nhưng hiện nay chỉ thực hiện giám định về sở hữu công nghiệp, cần giao cho tổ chức này giám định về quyền tác giả, quyền liên quan, có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ, Cục Bản quyền tác giả, Trung tâm Internet Việt Nam phối hợp trong công tác giám định. Ngoài ra còn khuyến khích cá nhân, tổ chức thực hiện hoạt động giám định, đại diện sở hữu trí tuệ.

Trong quá trình xử lý xâm phạm thời gian kéo dài do vướng mắc về giám định và định giá sở hữu trí tuệ. Tòa án chỉ công nhận kết quả do Hội đồng định giá được thành lập theo đúng quy định pháp luật đưa ra. Để rút ngắn thời gian xử lý, tăng cường hỗ trợ Tòa án cần thành lập cơ quan định giá sở hữu trí tuệ thuộc Bộ KH-CN và cho phép các tổ chức cung cấp dịch vụ định giá sở hữu trí tuệ hỗ trợ cho chủ thể quyền.

Thương mại hóa sở hữu trí tuệ, giá trị tài sản trí tuệ sẽ được nâng cao, cần đầu tư nghiên cứu sáng tạo và phát triển tài sản trí tuệ, tăng cường năng lực chuyên môn và lực lượng thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử. Thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước, quỹ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, tiếp cận các nguồn tài chính hỗ trợ và đầu tư quốc tế chẳng hạn kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp thuộc các nước thành viên TPP, Cộng đồng kinh tế Châu Á AEC... thực hiện các dự án, chương trình thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Thứ ba, công tác thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử xét đến cùng là bảo vệ quyền sở hữu của chủ thể quyền, do đó cần nâng cao nhận thức của chủ thể quyền thông qua tuyên truyền, phổ biến, tư vấn, hỗ trợ. Các chủ thể quyền đặc biệt là các doanh nghiệp phải chủ động đăng ký bảo hộ, công khai đối tượng được bảo hộ trên phương tiện thông tin đại chúng, ngăn chặn xâm phạm và tiến hành các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử. Tại các doanh nghiệp có thể thành lập bộ phận chuyên trách sở hữu trí tuệ hoặc kèm theo tư vấn pháp luật các lĩnh vực khác cho doanh nghiệp. Giữa các chủ thể quyền cần có sự liên kết với nhau, phối hợp hoặc tham gia các hiệp hội ngành nghề cùng chống hành vi xâm phạm. Điểm quan trọng nhất là giúp chủ thể quyền nhận thức lại

bản chất của quyền sở hữu trí tuệ là quyền dân sự, hướng các chủ thể sử dụng biện pháp dân sự để xử lý đảm bảo quyền lợi của chính mình: buộc chấm dứt hành vi xâm phạm, buộc bồi thường thiệt hại.

Tiếp tục các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thương mại điện tử, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ: hỗ trợ các biện pháp quản lý tài sản trí tuệ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đăng ký bảo hộ, tạo điều kiện đăng ký tên miền, hỗ trợ viễn thông, công nghệ thông tin, kết cấu hạ tầng thương mại điện tử cho các doanh nghiệp ở vùng có điều kiện khó khăn, hợp tác quốc tế về thương mại điện tử, xây dựng cập nhật thông tin sở hữu trí tuệ, cung cấp dịch vụ thông tin sở hữu trí tuệ theo yêu cầu, tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn cho doanh nghiệp về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, hỗ trợ vốn đầu tư sáng tạo sản phẩm trí tuệ, hỗ trợ phương thức giao dịch an toàn...

Các chủ thể quyền cần chủ động phối hợp thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ với các cơ quan chức năng: khiếu nại, tố cáo hành vi xâm phạm, đơn vị xâm phạm, cung cấp tài liệu chứng cứ hành vi xâm phạm, chứng minh chủ thể quyền nhanh chóng, xác định mức bồi thường thiệt hại, định giá sở hữu trí tuệ, phân biệt giữa đối tượng được bảo hộ và yếu tố xâm phạm.

Kết luận Chương 3

Nhu cầu tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử xuất phát từ nền kinh tế kỹ thuật số và hội nhập quốc tế. Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử đồng bộ, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật còn thiếu sót hoặc chưa phù hợp với thực tế. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực thực thi của các cơ quan nhà nước, chủ thể quyền, cộng đồng xã hội bằng các giải pháp khác nhau: xây dựng tòa chuyên trách sở hữu trí tuệ; thiết lập cơ quan đầu mối nhận đơn khiếu nại, tố cáo; thiết lập cơ quan đầu mối giải quyết khiếu nại về đăng ký sở hữu trí tuệ, xác định hành vi xâm phạm; xây dựng bộ phận thống kê tổng hợp chung; chú trọng giáo dục đào tạo, tuyên truyền phổ biến pháp luật nâng cao nhận thức cho các chủ thể.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở các nội dung đã trình bày ở trên, luận văn đưa ra một số kết luận cơ bản sau đây:

Thứ nhất, thương mại điện tử gắn liền với công nghệ thông tin, viễn thông, internet tác động mạnh mẽ làm phát huy giá trị kinh tế, giá trị sáng tạo của tài sản trí tuệ, đồng thời phát sinh tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ngày càng phức tạp. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử không chỉ được các chủ thể quyền chú trọng mà cả các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trong xã hội. Chủ thể quyền, cá nhân, tổ chức liên quan có thể ngăn chặn, xử lý xâm phạm bằng cách áp dụng biện pháp công nghệ, yêu cầu mọi cá nhân, tổ chức công nhận, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, hoặc yêu cầu cơ quan chức năng xử lý bằng biện pháp dân sự, hành chính, hình sự.

Thứ hai, công tác thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử cho thấy các chủ thể chưa nhận thức đầy đủ và chủ động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Thực tiễn xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại các cơ quan chức năng, hầu hết các vụ việc xâm phạm được giải quyết bằng biện pháp hành chính, biện pháp dân sự và hình sự chưa được thực thi hiệu quả do trình tự thủ tục rườm rà, trình độ chuyên môn cán bộ thực thi hạn chế, nghĩa vụ chứng minh của chủ thể còn nặng nề, thời gian giải quyết kéo dài không đáp ứng được nhu cầu trong thương mại của chủ thể.

Thứ ba, việc tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, tạo động lực sáng tạo và hội nhập kinh tế quốc tế. Pháp luật sở hữu trí tuệ là cơ sở pháp lý cho hoạt động thực thi, do đó cần phải sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất. Song song với đó là nâng cao năng lực thực thi của các cơ quan chức năng, chủ thể quyền, cộng đồng xã hội: xây dựng Tòa chuyên trách sở hữu trí tuệ, cơ quan đầu mối xử lý hành chính, giải quyết đơn đăng ký bảo hộ và khiếu nại, phối

hợp giữa các cơ quan, chủ thể, các tổ chức, cá nhân liên quan, thành lập tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan, khuyến khích thành lập hoạt động giám định sở hữu trí tuệ, định giá sở hữu trí tuệ, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ thực thi, nâng cao nhận thức của chủ thể và cộng đồng xã hội, đầu tư và hỗ trợ sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1996), Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2020 và những nhiệm vụ đến năm 2000
- [2] Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2002), Kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010
- [3] Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2016), Báo cáo chính trị của BCHTW khóa XI tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII
- [4] Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.
- [5] Bộ Công An (2016), Báo cáo chương trình hành động về hợp tác phòng chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2012 - 2015, Hà Nội
- [6] Bộ Khoa học – Công nghệ, Báo cáo chương trình phối hợp hành động phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2006 – 2010, www.thanhtra.most.gov.vn, ngày 12 tháng 6 năm 2012
- [7] Bộ Khoa học – Công nghệ, Báo cáo chương trình phối hợp hành động phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2012 - 2015, www.thanhtra.most.gov.vn, ngày 29 tháng 4 năm 2016
- [8] Bộ Khoa học Công nghệ (2007), Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14 tháng 02 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ/CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp
- [9] Bộ Khoa học Công nghệ (2015), Thông tư số 11/2015/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 06 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của

Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 08 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

- [10] Bộ Tài chính (2008), Thông tư số 12/2008/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn quy trình, thủ tục tiếp nhận, thụ lý giải quyết đơn yêu cầu xử lý các vụ việc vi phạm hành chính về sở hữu trí tuệ của cơ quan Quản lý thị trường
- [11] Bộ Tài chính (2009), Thông tư số 29/2009/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2009 quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan
- [12] Bộ Tài chính (2010), Thông tư số 158/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn chế độ tài chính đối với Cục sở hữu trí tuệ
- [13] Bộ Thông tin Truyền thông (2015), Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 08 năm 2015 quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet
- [14] Chính phủ (2000), Nghị định số 54/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2000 về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và bảo hộ quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan sở hữu công nghiệp
- [15] Bộ Tư Pháp (2006), Những nội dung cơ bản của Luật Sở hữu trí tuệ, NXB Tư Pháp, Hà nội
- [16] Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch (2014), Báo cáo 158/BC-BVHTTDL tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg về việc tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan
- [17] Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch (2012), Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL ngày 13 tháng 12 năm 2012 hướng dẫn hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan
- [18] Chính phủ (2006), Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/04/2006 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại
- [19] Chính phủ (2006), Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 08 năm 2006 về nhãn hàng hoá

- [20] Chính phủ (2006), Nghị định số 103/2006 ngày 22/09/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp
- [21] Chính phủ (2006), Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ
- [22] Chính phủ (2010), Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ
- [23] Chính phủ (2010), Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 103/2006 ngày 22 tháng 09 năm 2006 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp
- [24] Chính phủ (2011), Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 09 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan
- [25] Chính phủ (2013), Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng
- [26] Chính phủ (2013), Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 08 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp
- [27] Chính phủ (2013), Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan
- [28] Chính phủ (2013), Nghị định số 185/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

- [29] Chính phủ (2014), Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao
- [30] Chính phủ (2015), Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
- [31] Chính phủ (2014), Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao
- [32] Công ước Paris 1983 về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (2002), NXB Bản Đồ, Hà Nội
- [33] Công Lý, Vi phạm quyền sở hữu trí tuệ: Dễ xác định nhưng...khó xử lý, www.daibieunhandan.vn, ngày 08 tháng 01 năm 2011
- [34] Cục Cảnh sát kinh tế (2014), Báo cáo chương trình hành động về hợp tác phòng chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2012 - 2015, Hà nội
- [35] Cục Sở hữu trí tuệ, Báo cáo tổng quan hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ số 9592/SHTT-PTST, www.noip.gov.vn, ngày 2/5/2014
- [36] Cục Sở hữu trí tuệ (2014), Công văn số 8438/SHTT-PCCS ngày 15 tháng 10 năm 2014 về đăng ký và sử dụng nhãn hiệu mô phỏng bản đồ Việt Nam không thể hiện quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa
- [37] Cục Sở hữu trí tuệ (2015), Báo cáo hoạt động sở hữu trí tuệ năm 2014, Hà Nội
- [38] Cục Sở hữu trí tuệ – Thanh tra Bộ Khoa học Công nghệ – Cục Điều tra tội phạm chống buôn lậu – Cục Quản lý thị trường – Cục Cảnh sát kinh tế (2015), Công văn số 01/QC-SHTT-TTrBKH&CN-ĐTCBL-QLTT-CSKT quy chế phối hợp chia sẻ hệ thống thông tin về thực thi quyền sở hữu trí tuệ
- [39] Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam năm 2015, www.vecita.gov.vn, ngày 15 tháng 04 năm 2016
- [40] Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam năm 2014, www.vecita.gov.vn, ngày 15 tháng 02 năm 2015

- [41] Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam năm 2013, www.vecita.gov.vn, ngày 15 tháng 04 năm 2014
- [42] Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam năm 2012, www.vecita.gov.vn, ngày 19 tháng 06 năm 2013
- [43] Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam năm 2011, www.vecita.gov.vn, ngày 21 tháng 05 năm 2012
- [44] Dũng Hà (2008), Đề xuất mô hình Tòa sở hữu trí tuệ cho Việt Nam, www.enternews.vn, ngày 04 tháng 05 tháng 2008
- [45] Đại học Luật Hà Nội (2008), Giáo trình luật sở hữu trí tuệ Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội
- [46] Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ (2000), NXB Thống kê, Hà Nội
- [47] Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2016), Chỉ số thương mại điện tử Việt Nam năm 2015, www.ebi.vecom.vn, ngày 02 tháng 02 năm 2016
- [48] Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2015), Chỉ số thương mại điện tử Việt Nam năm 2014, www.ebi.vecom.vn, ngày 02 tháng 07 năm 2015
- [49] Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2013), Chỉ số thương mại điện tử Việt Nam năm 2013, www.ebi.vecom.vn, ngày 31 tháng 12 năm 2013
- [50] Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2012), Chỉ số thương mại điện tử Việt Nam năm 2012, www.ebi.vecom.vn, ngày 14 tháng 12 năm 2012
- [51] Hoàng Long Huy - Bùi Tiến Quyết (2012), Nghiên cứu cơ chế giải quyết tranh chấp về SHTT trong môi trường Internet, Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ, Hà Nội
- [52] Lê Cẩm (2002), Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng pháp luật hình sự, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (số 8), tr. 1-5
- [53] Lê Đình Nghị, Vũ Thị Hải Yến (2004), Giáo trình Luật Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội
- [54] Lê Nét (2012), Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ, Nxb. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh
- [55] Liên minh Phần mềm doanh nghiệp BSA (2016), Nghiên cứu về tình hình vi phạm bản quyền phần mềm toàn cầu

- [56] Lê Thị Tuyết Hà (2012), Một số ý kiến về tội phạm xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của Bộ luật Hình sự, Kiểm sát, (số 4), tr.39-42
- [57] Mai Thị Mai Hương (2016), Pháp luật trong thương mại điện tử, Trường Cao đẳng thương mại, Đà Nẵng
- [58] Nguyễn Bá Diên (2001), Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện khung pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội
- [59] Nguyễn Gia Hào (2011), Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ - Tài sản vô hình của doanh nghiệp, www.sctyenbai.gov.vn, ngày 09 tháng 10 năm 2011
- [60] Nguyễn Như Quỳnh (2010), Xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội
- [61] Nguyễn Thị Hương (2015), Xử lý xâm phạm quyền Sở hữu Công nghiệp đối với Nhân hiệu trong môi trường Internet, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội
- [62] Nguyễn Văn Tiến (2013), Thực tiễn giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại tòa án nhân dân, www.toaan.gov.vn, 2013
- [63] Nguyễn Xuân Quang Thực trạng về bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhân hiệu bằng biện pháp hành chính và giải pháp hoàn thiện pháp luật, www.tcdcpl.moj.gov.vn, ngày 23 tháng 06 năm 2016
- [64] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Hiến pháp năm 2013
- [65] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Bộ luật Dân sự năm 2005
- [66] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Bộ luật Dân sự năm 2015
- [67] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), Bộ Luật Hình sự sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự năm 1999
- [68] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Bộ Luật Hình sự năm 2015

- [69] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004
- [70] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Luật Thương mại năm 2005
- [71] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005
- [72] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), Luật Cạnh tranh năm 2004
- [73] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Luật Công nghệ thông tin năm 2005
- [74] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Luật Giao dịch điện tử năm 2005
- [75] Phạm Văn Toàn (2013), Xử lý xâm phạm quyền Sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự tại Việt Nam - Thực tiễn pháp luật và đề xuất, <http://thanhtra.most.gov.vn>, ngày 10 tháng 15 năm 2013
- [76] Thanh tra Bộ Khoa học Công nghệ (2015), Kết quả Thanh tra Khoa học Công nghệ năm 2015, www.thanhtra.most.gov.vn, ngày 25 tháng 03 năm 2016
- [77] Thủ tướng Chính phủ (2005), Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 phê duyệt chương trình phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020
- [78] Thủ tướng Chính phủ (2008), Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 về việc tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan
- [79] Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 689/QĐ-Ttg ngày 04 tháng 05 năm 2013 phê duyệt Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014-2020
- [80] Tòa án nhân dân Tối cao, Báo cáo chương trình phối hợp hành động phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2012 - 2015, www.thanhtra.most.gov.vn, ngày 29 tháng 4 năm 2016

- [81] Tòa án nhân dân Tối cao (2015), Báo cáo về việc trả lời chất vấn của Đại biểu Quốc hội, Hà Nội
- [82] Tòa án nhân dân Tối cao (2016), Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21 tháng 01 năm 2016 quy định về việc tổ chức các Tòa chuyên trách thuộc Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương, Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương
- [83] Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ Công an – Bộ Tư pháp (2008), Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 29 ngày 02 tháng 2008 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ
- [84] Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch – Bộ Khoa học Công nghệ – Bộ Tư pháp (2008), Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP ngày 03 tháng 04 năm 2008 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân
- [85] Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) (1994), Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền Sở hữu trí tuệ (TRIPS)
- [86] Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), 2000, Cẩm nang Sở hữu trí tuệ
- [87] Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), 2004, Những điều chưa biết về sở hữu trí tuệ
- [88] Trần Hồng Minh (2006), So sánh pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam với Hiệp định TRIPS – WTO, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung Ương, Hà Nội
- [89] Trần Minh Dũng (2010), Bảo vệ quyền SHTT bằng biện pháp hành chính, <http://www.thanhtra.most.gov.vn>, ngày 19 tháng 08 năm 2010
- [90] Trần Ngọc Thu (2014), Bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn thương mại bằng biện pháp dân sự theo pháp luật Việt Nam, Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội

- [91] Trần Văn Hòe (chủ biên) (2010), Giáo trình Thương mại điện tử căn bản, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội
- [92] Trung tâm Internet Việt Nam (2015), Báo cáo tài nguyên internet Việt Nam, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội
- [93] Glenn A. Woroch (1994), The economics of intellectual property protection for software: the proper role for copyright, Department of Economics University of California – Berkeley
- [94] The software alliance (2016), BSA global software survey
- [95] TPP Treaty (2015), Intellectual Property Rights Chapter, Consolidated Text
- [96] www.noip.gov.vn
- [97] www.thanhtra.most.gov.vn
- [98] www.toaan.gov.vn
- [99] www.vnnic.vn
- [100] www.vipri.gov.vn
- [101] www.vecita.gov.vn

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 01: BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG VĂN BẰNG BẢO HỘ ĐƯỢC CẤP TỪ NĂM 2011 ĐẾN NĂM 2016

Đơn vị tính: Đơn

Đối tượng	Năm	Quý I	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
	Năm 2016	2015	2014	2013	2012	2011	
Sáng chế	14	63	36	59	45	40	
Kiểu dáng công nghiệp	170	842	984	852	681	807	
Nhãn hiệu hàng hóa	3007	14208	15376	14507	14976	15504	
Tổng cộng	3191	15113	16396	15418	15702	16351	

Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ, Số lượng đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và văn bằng bảo hộ cấp ra, www.noip.gov.vn, ngày 18/05/2016

PHỤ LỤC 02: BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU THỤ LÝ VÀ XỬ LÝ GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI SƠ THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN ĐÀ NẴNG TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2015

Đơn vị tính: Vụ án

LOẠI VỤ ÁN VÀ VIỆC KINH DOANH THƯƠNG MẠI	SỐ VỤ VIỆC PHẢI GIẢI QUYẾT	SỐ VỤ VIỆC ĐÃ GIẢI QUYẾT					SỐ VỤ VIỆC CÒN LẠI		
		Chuyển hồ sơ	Đình chỉ	Công nhận thỏa thuận của đương sự	Xét xử hoặc giải quyết	Tổng số	Tổng số	Quá hạn luật định	Tạm đình chỉ
Mua bán hàng hóa	8	2	0	1	5	8	0	0	0
Mua bán cổ phiếu, trái phiếu...	3	1	1	0	1	3	0	0	0
Đầu tư tài chính, ngân hàng	170	9	22	109	26	166	4	0	0

Bảo hiểm	12	2	2	2	6	12	0	0	0
Hợp đồng đầu tư	2	1	1	0	0	2	0	0	0
Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ	8	0	1	0	6	7	1	0	0
Tranh chấp giữa công ty với các thành viên công ty...	24	2	5	2	13	22	2	0	0
Các tranh chấp khác	5	1	1	0	3	5	0	0	0
Đại diện, đại lý	3	0	0	0	2	2	1	0	0
Thuê, cho thuê, thuê mua	4	0	1	1	2	4	0	0	0
Xây dựng	5	1	0	2	2	5	0	0	0
Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng đường sắt...	1	0	0	0	1	1	0	0	0
Tổng	245	19	34	117	67	237	8	0	0

Nguồn: Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng (2015), Thụ lý và giải quyết vụ án kinh doanh thương mại từ năm 2012 – 2015, Đà Nẵng

PHỤ LỤC 03: BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

Đơn vị tiền phạt: 1.000 đồng

Năm	Nhân hiệu		Sáng chế		Kiểu dáng công nghiệp	
	Số vụ	Tiền phạt	Số vụ	Tiền phạt	Số vụ	Tiền phạt
2010	1632	4592000	0	0	215	383088
2011	1561	9021421	04	0	107	264354
2012	1016	3416884	10	10000	38	154245
2013	2147	18422475	0	120550	67	199250
2014	1082	15223701	02	0	20	278550

Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ, Báo cáo tổng quan hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ số 9592/SHTT-PTST, www.noip.gov.vn, ngày 2/5/2014